

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2025/HC-PT

Ngày: 04 - 9 - 2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái
định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Đức Xuân;

Bà Trần Thị Thu Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 339/2025/TLPT- HC ngày 13 tháng 5 năm 2025, về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 546/2024/HC-ST ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 560/2025/QĐPT-HC ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị Hồng T (vắng mặt);

Địa chỉ: D ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Hồng T:

- Ông Trần Đình T1 (có mặt);

Địa chỉ: BNSG L, tầng C, Tòa nhà B, 5 Đ, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bà Phạm Thị Hồng Đ (có mặt);

Địa chỉ: D tổ B, ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị Hồng T:

Luật sư Phạm Hoài N - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt);

Địa chỉ: Tầng C, Tòa nhà I, 5 Đ, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H (vắng mặt);

Địa chỉ: Số H L, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh: Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số E Đ, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B: Bà Trần Thị Phú T2 - Chuyên viên Phòng Kinh tế xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị B (vắng mặt);

Địa chỉ: D ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.2. Bà Phạm Thu H1 (vắng mặt);

Địa chỉ: D ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.3. Ông Phạm Văn C (vắng mặt);

Địa chỉ: D ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.4. Bà Phạm Thị Hồng Y (vắng mặt);

Địa chỉ: B ấp B, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.5. Bà Phạm Thị Nguyệt Á (vắng mặt);

Địa chỉ: B ấp B, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.6. Bà Nguyễn Xuân D (vắng mặt);

Địa chỉ: D ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.7. Bà Phạm Thị Hồng Đ (vắng mặt);

Địa chỉ: D tổ B, ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.8. Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

Địa chỉ: Số G đường T, Xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Người kháng cáo: Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo các Đơn khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn, Người khởi kiện bà Phạm Thị Hồng T có người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị Hồng Đ trình bày:*

Bà Phạm Thị Hồng T hiện đang đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (viết tắt GCN) vào sổ số CH 00398 ngày 12/8/2010, gồm thửa 78, 79, 80, 82, 580 (phân triết từ thửa 78, 79, 80), 541, tờ bản đồ số 13, tài liệu 02/CT-UB. Nguồn gốc đất do cha bà T là ông Phạm Văn L sử dụng trước năm 1975, được cấp GCN số 313/QSDĐ ngày 23/7/1993; sau khi ông L chết thì các đồng thừa kế thống nhất để bà T đại diện đứng tên trên GCN số CH 00398 ngày 12/8/2010.

Hiện nay, gia đình bà có phần đất bị ảnh hưởng bởi 02 dự án là Dự án xây dựng đường cao tốc B - L và Dự án nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B nhưng chưa được giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thỏa đáng, đúng quy định làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà T, cụ thể như sau:

Tại dự án nâng cấp quốc lộ 50:

Phần đất của bà bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 thuộc một phần các thửa 78, 80, 82 tờ bản đồ số 13, theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần thửa số 83, 49 tờ bản đồ số 43 theo tài liệu đo mới năm 2005), Bộ địa chính xã Đ, huyện B với tổng diện tích bị ảnh hưởng là 633,5m² (khu đất nằm hoàn toàn trong lộ giới 40m của Quốc lộ E).

Ngày 13/8/2012, Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện B ban hành Quyết định số 4264/QĐ-UBND về thu hồi đất của bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình) tại xã Đ để thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B. Ngày 25/12/2012, UBND huyện B ban hành Quyết định 9296/QĐ-UBND về điều chỉnh Điều 1 Quyết định 4264/QĐ-UBND.

Ngày 02/12/2014, UBND huyện B ban hành Quyết định 15138/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với phần diện tích đất bị thu hồi nêu trên, kèm Phiếu chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại số 979/PCT-BBT ngày 20/8/2014, cụ thể:

Bồi thường, hỗ trợ về đất: Đất nông nghiệp trong khu dân cư nông thôn mặt tiền đường Quốc lộ 50 (từ ranh P - Đ đến cầu ông T3): $633,5\text{m}^2 \times 1.750.942 \text{ đồng/m}^2 = 1.109.221.757 \text{ đồng}$;

Bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc: với tổng số tiền 101.091.952 đồng;

Bồi thường cây trồng: số tiền 2.928.000 đồng.

Nhận thấy việc thu hồi đất, bồi thường thiệt hại không thỏa đáng, không phù hợp thực tế và quy định pháp luật nên bà đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B, yêu cầu giải quyết:

Bồi thường phần diện tích đất 231m^2 (Bản vẽ 162) thuộc một phần thửa 49, tờ bản đồ số 43 (tương ứng một phần thửa 78, 80, 82 tờ bản đồ 13, tài liệu 02/CT-UB) theo đơn giá đất ở $11.609.000 \text{ đồng/m}^2$;

Bồi thường phần diện tích đất còn lại $402,5\text{m}^2$ ($633,5\text{m}^2 - 231\text{m}^2$) thuộc một phần thửa 83, tờ bản đồ 43 (tương ứng một phần thửa 82, tờ bản đồ 13 tài liệu 02/CT-UB) theo đơn giá đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở $5.016.000 \text{ đồng/m}^2$;

Bồi thường cây trồng còn thiếu so với Biên bản kiểm kê hiện trạng.

Bồi thường phần diện tích đất bị thu hồi còn thiếu 197m^2 so với diện tích được cấp trong GCN.

Ngày 20/4/2016, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2533/QĐ-UBND.

Ngày 25/10/2016, UBND huyện B có Quyết định số 10187/QĐ-UBND bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc, cây trồng đối với bà Phạm Thị Hồng T (Quyết định này thực hiện Quyết định số 2533/QĐ-UBND và là một bộ phận của Quyết định số 15138/QĐ-UBND), kèm theo Phiếu chiết tính số 1455/PCT-BBT ngày 07/10/2016, cụ thể:

Bồi thường đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở vị trí mặt tiền đường Quốc lộ 50 (từ ranh P - Đa Phước đến cầu ông T3) thuộc một phần thửa số 80, tờ bản đồ số 13, theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng với một phần thửa 49, tờ bản đồ 43, tài liệu năm 2005): $1,9 \text{ m}^2 \times 5.018.600 \text{ đồng/m}^2 = 9.535.340 \text{ đồng}$;

Bồi thường đất nông nghiệp trong khu dân cư nông thôn mặt tiền đường Quốc lộ 50 thuộc một phần thửa 78, 82 tờ bản đồ 13, (tương ứng với một phần thửa 49, 83 tờ bản đồ 43, tài liệu năm 2005): $631,6 \text{ m}^2 \times 1.750.942 \text{ đồng/m}^2 = 1.105.894.967 \text{ đồng}$;

(Các số tiền trên được khấu trừ vào khoản 2, phần II của Phiếu chiết tính số 979/PCT-BBT ngày 20/8/2014, và số tiền còn lại là: 6.208.550 đồng).

Bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc: sau khi khấu trừ điểm 6, 7 khoản 2, phần III Phiếu chiết tính số 979/PCT-BBT thì số tiền còn lại là: 54.231.528 đồng;

Bồi thường cây trồng: số tiền là 3.127.000 đồng.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại số 2533/QĐ-UBND nên bà tiếp tục khiếu nại đến UBND Thành phố H (viết tắt UBND Thành phố). Ngày 16/11/2017 Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6058/QĐ-UBND (lần hai) với nội dung: công nhận nội dung khiếu nại của bà là đúng một phần và tính bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích đất 633,5 m² theo đơn giá đất ở, vị trí mặt tiền đường Quốc lộ 50.

Ngày 10/01/2018, UBND huyện B ban hành Quyết định số 117/QĐ-UBND về bổ sung bồi thường, hỗ trợ, kèm Phiếu Chiết tính số 1679/PCT-BBT ngày 29/11/2017 với nội dung: Bồi thường về đất đối với phần diện tích 633,5m² theo đơn giá đất ở với số tiền là: 6.238.871.193 đồng; Bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc sau khi đã khấu trừ khoản 2, phần III của Phiếu Chiết tính số 979/PCT-BBT ngày 20/08/2014 và khoản 1, phần III của Phiếu Chiết tính số 1455/PCT-BBT ngày 07/10/2016 còn lại: 47.570.510 đồng.

Không đồng ý với Quyết định 10187/QĐ-UBND, bà T khiếu nại và đến ngày 19/10/2018, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 9125/QĐ-UBND (lần đầu).

Ngày 22/11/2018, UBND huyện B ban hành Quyết định số 10843/QĐ-UBND về bổ sung bồi thường cây trồng, kèm phiếu chiết tính số 2020/PCT-BBT ngày 30/10/2018 với nội dung bồi thường 01 cây sung, 01 cây măng cầu với tổng số tiền là 392.000 đồng.

Ngày 10/01/2019, UBND huyện B ban hành Quyết định số 153/QĐ-UBND về bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Hồng T, kèm Phiếu chiết tính số 2081/PCT-BBT ngày 26/12/2018 với nội dung: bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc là các sân xi măng theo bản vẽ 162, 167, 168 và nhà kho theo bản vẽ 167 với tổng số tiền là 31.535.010 đồng.

Ngày 12/3/2019, Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 915/QĐ-UBND với nội dung: công nhận toàn bộ nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 9125/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện B và bác toàn bộ yêu cầu khiếu nại của bà.

Ngày 08/8/2022, UBND huyện B ban hành Quyết định số 5730/QĐ-UBND về hỗ trợ lãi suất đối với bà (đại diện hộ gia đình) với tổng số tiền 45.092.150 đồng.

Ngày 30/06/2023, UBND huyện B ban hành Quyết định số 4613/QĐ-UBND về điều chỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15138/QĐ-UBND ngày 23/12/2014, kèm Phiếu Chiết tính số 2277/PCT-BBT ngày 26/6/2023 với nội dung điều chỉnh số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc theo đơn giá bồi thường tại phương án bồi thường số 263/PABT-HĐBT ngày 08/10/2012 của Hội đồng Bồi thường.

Tại dự án xây dựng đường C - L:

Tại Dự án xây dựng cao tốc B - L, UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 về thu hồi đất do bà Phạm Thị Hồng T đại

diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết) sử dụng tại xã Đ để thực hiện dự án; tổng diện tích thu hồi là 764,4 m² thuộc một phần các thửa 80, 82, 541, 78, 79, 580, tờ bản đồ số 13, tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần các thửa 83, 49, tờ bản đồ số 43, theo tài liệu Bản đồ địa chính thuộc Bộ địa chính xã Đ, huyện B), phân rạch 8,5m² do Nhà nước trực tiếp quản lý.

Ngày 20/3/2015, UBND huyện B ban hành Quyết định 1797/QĐ-UBND điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định 2221/QĐ-UBND (sau được đính chính thành Quyết định 2229/QĐ-UBND tại Thông báo số 221/TB-UBND ngày 19/01/2017 của UBND huyện B) thành tổng diện tích thu hồi là 763,7m² thuộc một phần các thửa 80, 82, 541, 78, 79, 580 tờ bản đồ số 13, tài liệu 02/CT-UB, phân rạch 8,5m² do Nhà nước trực tiếp quản lý.

Ngày 03/9/2015, UBND huyện B ban hành Quyết định số 7521/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ, kèm Phiếu chiết tính bồi số 2002/PCT-BBT ngày 18/8/2015, tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ là 3.349.573.050 đồng (Trong đó, phần nhà, vật kiến trúc nêu tại số T, 2, 5, 9 và 11 Mục 3 Phiếu Chiết tính 2002/PCT-BBT không được bồi thường, hỗ trợ với lý do đã được bồi thường trong dự án Quốc lộ E)

Ngày 25/2/2017, UBND huyện B ban hành Quyết định số 3242/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung, kèm Phiếu chiết tính bồi thường, hỗ trợ thiệt hại số 2680/PCT-BBT ngày 27/12/2016 với nội dung bổ sung bồi thường, hỗ trợ về đất với tổng chi phí là: 542.874.456 đồng.

Bà T và những hộ gia đình đang sinh sống tại phần đất bị thu hồi không đồng ý với Quyết định 7521/QĐ-UBND và Quyết định 3242/QĐ-UBND của UBND huyện B nên bà đã có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B yêu cầu lập hồ sơ bồi thường riêng cho từng hộ gia đình đang sinh sống trên phần đất bị thu hồi, gồm hộ bà Phạm Thị Hồng T, bà Phạm Thu H1, ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Xuân D (đều đã có sổ hộ khẩu riêng và nhà riêng trên phần đất bị thu hồi); Bố trí nền tái định cư cho cá nhân bà T do nhà, đất bị giải toả trắng; Hỗ trợ ngừng sản xuất kinh doanh, hỗ trợ sửa chữa, di dời (giải toả một phần); Xem xét lại đơn giá bồi thường sát thực tế hiện nay.

Ngày 01/8/2018, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định 6993/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của bà, nội dung giữ nguyên hai quyết định trên, không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà.

Bà tiếp tục khiếu nại và đến ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Quyết định số 914/QĐ-UBND (giải quyết khiếu nại lần hai) công nhận toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và bác toàn bộ yêu cầu khiếu nại của bà.

Ngày 30/6/2023, UBND huyện B ban hành Quyết định 4614/QĐ-UBND về hỗ trợ lãi suất đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (thực hiện theo Kết luận số 1179/KL-UBND ngày 30/03/2023 của UBND Thành phố), kèm theo Phiếu

chiết tính số 3395/PCT-BBT với nội dung hỗ trợ lãi suất với tổng số tiền là 226.569.092 đồng.

Ngày 05/7/2023, UBND huyện B ban hành Quyết định 4668/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc bổ sung kèm Phiếu Chiết tính 3303/PCT-BBT ngày 20/02/2019 và Phiếu chiết tính 3396/PCT-BBT ngày 05/7/2023, với nội dung: bồi thường, hỗ trợ bổ sung vật kiến trúc và chi phí sửa chữa với tổng số tiền là: 211.323.720 đồng.

Bà T nhận thấy các quyết định nêu trên là chưa phù hợp với phương án bồi thường, quy định pháp luật và thực tế, đã ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng khi Nhà nước thu hồi đất của bà, bởi lẽ:

Đơn giá đất, vật kiến trúc bồi thường không phù hợp tại thời điểm chi trả bồi thường (thời điểm ra Quyết định bồi thường):

Đơn giá bồi thường về đất, vật liệu kiến trúc là chưa phù hợp do UBND huyện B bồi thường chậm; tại Dự án nâng cấp Quốc lộ E thì thời điểm có Quyết định thu hồi đất số 4264/QĐ-UBND là ngày 13/8/2012 nhưng đến tận ngày 23/12/2014 thì UBND huyện mới ban hành quyết định bồi thường số 15138/QĐ-UBND với đơn giá bồi thường theo Phương án bồi thường số 263/PA-HĐBT ngày 08/10/2012. Tức từ thời điểm có quyết định thu hồi đến khi có quyết định bồi thường là khoảng hơn 02 năm. Trong khi đó Phương án số 263/PA-HĐBT áp dụng giá đất được khảo sát từ năm 2009, tính đến thời điểm phê duyệt phương án bồi thường là khoảng 03 năm trong khi giá đất thực tế đã tăng lên rất nhiều so với giá đất của Phương án bồi thường; đến khi UBND huyện B ban hành Quyết định bồi thường số 15138/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 là khoảng 05 năm so với thời điểm khảo sát giá thì giá đất, vật liệu kiến trúc đã có nhiều biến động, thay đổi.

Tương tự, tại dự án xây dựng đường C - L, thì thời điểm có quyết định thu hồi đất số 2229/QĐ-UBND là ngày 21/01/2014 nhưng đến tận ngày 03/9/2015 thì UBND huyện mới ban hành quyết định bồi thường số 7521/QĐ-UBND với đơn giá bồi thường theo Phương án bồi thường số 18/PA-HĐBT ngày 22/01/2014. Tức từ thời điểm có quyết định thu hồi đến khi có quyết định bồi thường là khoảng 02 năm. Trong khi đó Phương án số 18/PA-HĐBT áp dụng giá đất được khảo sát năm 2010, tính đến thời điểm phê duyệt phương án bồi thường là khoảng 04 năm trong khi giá đất thực tế đã tăng lên rất nhiều so với giá đất của Phương án bồi thường; đến khi UBND huyện B ban hành Quyết định bồi thường số 7521/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 là khoảng 05 năm so với thời điểm khảo sát giá thì giá đất, vật liệu kiến trúc đã có nhiều biến động, thay đổi.

Căn cứ vào Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND Thành phố quy định về giá đất trên địa bàn Thành phố từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 thì giá đất tại Quốc lộ E (đoạn từ hết ranh xã P đến hết ranh xã Đ) đã tăng lên 6,3 triệu đồng/m² so với giá đất là 4,3 triệu đồng/m² áp dụng từ năm 2010 đến năm 2014 (Đơn giá phương án bồi thường số 18/PA-HĐBT tính theo Quyết định 61/2012/UBND của UBND Thành phố về giá đất áp dụng từ

01/01/2013 đến 01/01/2014 vị trí QL 50 (ranh xã B - cầu Ô là 4,3 triệu đồng/m²); tức giá đất từ năm 2015-2019 tăng gần 50% so với giá đất giai đoạn 2010-2014.

Do đó, hoàn toàn có cơ sở cho thấy đơn giá đất, đơn giá vật kiến trúc của phương án bồi thường số 263/PA-HĐBT và 18/PA-HĐBT là chưa phù hợp với giá thực tế khi phê duyệt phương án bồi thường và khi ban hành Quyết định bồi thường cho bà là đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Đối với phần đất bị thu hồi tại dự án nâng cấp Quốc lộ E, sau khi phương án bồi thường được phê duyệt thì hơn 02 năm sau (đến ngày 23/12/2014) bà mới được giải quyết bồi thường với đơn giá cũ (năm 2009) và tại dự án xây dựng đường C - L thì sau khi phương án bồi thường được phê duyệt thì gần 02 năm (đến ngày 03/9/2015) bà mới được giải quyết bồi thường với đơn giá cũ (năm 2010) trong khi giá đất, giá vật kiến trúc thực tế là cao hơn giá so với Phương án bồi thường.

UBND huyện B không tuân thủ quy định của pháp luật mà để đến ngày 03/9/2015 mới ra Quyết định số 7521/QĐ-UBND bồi thường cho bà (Dự án xây dựng cao tốc B - L, ngày ra quyết định thu hồi là 13/8/2012); và tương tự UBND huyện để đến ngày 03/9/2015 mới ra Quyết định bồi thường số 7521/QĐ-UBND đối với Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 là không tuân thủ quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, đối với dự án Quốc lộ E thì ngày 23/12/2014 có quyết định bồi thường số 15138/QĐ-UBND nhưng đến tận ngày 15/03/2015 UBND huyện mới trao quyết định này cho bà là vi phạm trình tự thủ tục tại điểm c khoản 2 Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP quy định về thời hạn gửi quyết định bồi thường là trong vòng 03 ngày ra quyết định.

Bên cạnh đó, Phương án số 263/PA-HĐBT và phương án số 18/PA-HĐBT được phê duyệt vào năm 2012 và 2014, tuy nhiên việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho bà (đại diện hộ) lại được UBND huyện B bồi thường, hỗ trợ bổ sung tại Quyết định 10187/QĐ-UBND ngày 25/10/2016, số 117/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 (thuộc dự án nâng cấp Quốc lộ E) và quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 03/9/2015, số 3242/QĐ-UBND ngày 25/02/2017 (dự án xây dựng cao tốc B - L) là trường hợp chậm bồi thường và có lỗi thuộc về UBND huyện B, nội dung này cũng đã được UBND Thành phố nhận định tại mục 3.2 Phần II Thông báo số 47/TB-UBND ngày 30/03/2023. Theo đó, các quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung như quyết định 153/QĐ-UBND ngày 10/01/2019, 4613/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 (dự án Quốc lộ E) và quyết định 4668/QĐ-UBND ngày 05/7/2023 (dự án cao tốc B - L) cũng thuộc trách nhiệm bồi thường chậm của UBND huyện B.

Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP và điểm a khoản 2 Điều 9 Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố thì trong trường hợp “Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do UBND Thành phố công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường”, điều này cũng đã được quy định tại khoản 2 Phần V Chương II Phương án bồi thường số 18/PA-HĐBT và điểm a khoản 2 Phần V Chương II Phương án bồi thường số 263/PA-

HĐBT. Đồng thời, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số 35/QĐ-UBND thì giá đất để tính bồi thường là giá đất theo mục đích đang sử dụng của loại đất bị thu hồi, được UBND Thành phố quy định và công bố ngày 01/01 hàng năm (nghĩa là việc xác định, điều chỉnh giá đất tính bồi thường phải thực hiện hàng năm); vậy giá đất để tính bồi thường phải được xem xét, điều chỉnh do giá đất được UBND Thành phố công bố áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019 theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 cao hơn giá đất đã công bố năm 2014 (thời điểm có Phương án bồi thường và quyết định thu hồi). Cũng theo quy định này thì giá đất để tính bồi thường phải đảm bảo nguyên tắc theo mục đích sử dụng hợp pháp, hình thành từ kết quả của những giao dịch thực tế đã hoàn thành, mang tính phổ biến và được UBND quận, huyện thuê đơn vị tư vấn xác định lại giá đất cụ thể để tính bồi thường và trình UBND Thành phố phê duyệt.

Tuy nhiên, khi thực hiện việc thu hồi và bồi thường thì UBND huyện B, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện không tiến hành xem xét, khảo sát sự chênh lệch giá đất, tài sản, kiến trúc tại thời điểm bồi thường so với giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi để xác định lại giá đất bồi thường, hỗ trợ và trình UBND Thành phố phê duyệt là vi phạm quy định pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, khiến người bị thu hồi đất không thể có nơi ở mới, ổn định cuộc sống.

Phần diện tích 15,3m² thuộc một phần thửa 541, tờ bản đồ số 13 (tài liệu 02/CT-UB) không thuộc quyền sử dụng đất của gia đình bà mà là của hộ ông Phạm Văn M:

Căn cứ GCN số BC 317264 do UBND huyện B cấp ngày 12/08/2010 cho bà (đại diện hộ gia đình) thể hiện các thửa đất được cấp cho gia đình bà gồm thửa 78, 79, 80, 81, 82 và 580 cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (tài liệu 02/CT-UB). Như vậy, phần diện tích 15,3m² thuộc một phần thửa 541, tờ bản đồ số 13 (tài liệu 02/CT-UB) không thuộc phần đất của gia đình bà mà phần đất này thuộc quyền sử dụng của hộ ông Phạm Văn M. Do đó, việc UBND huyện B ban hành Quyết định thu hồi đất số 2229/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 và Quyết định 1797/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 điều chỉnh diện tích thu hồi đất của gia đình bà từ 764,4m² thành 763,7m² lại không kiểm tra, xác minh để điều chỉnh bỏ phần diện tích 15,3m² ra khỏi phần diện tích đất thu hồi của gia đình bà mà gộp chung để thu hồi, tính bồi thường, hỗ trợ về đất là không đúng. Nên các quyết định bồi thường, hỗ trợ số 7521/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 và quyết định số 3242/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung ngày 25/02/2017 đã tính bồi thường, hỗ trợ về đất cho bà đối với phần diện tích 15,3m² thuộc một phần thửa 541, tờ bản đồ số 13 (tài liệu 02/CT-UB) là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ ông M và của gia đình bà và cần phải hủy bỏ các quyết định này.

Việc không bồi thường phần diện tích đất bị thu hồi còn thiếu 197m² so với phần diện tích đất được công nhận trong GCN (đối với dự án nâng cấp Quốc lộ E) và phần diện tích đất rạch 8,5m² (đối với dự án xây dựng Cao tốc B - L) vì cho là do Nhà nước quản lý là không đúng:

Tại dự án nâng cấp Quốc lộ E, phần diện tích chên lệch bị thu hồi còn thiếu 197m² so với GCN được cấp năm 1993 là do khi ba bà được cấp GCN số 313/QSDĐ ngày 23/7/1993 thì khoảng cách từ tim đường đến lề đường là 3m, tuy nhiên khi thu hồi đất theo bản vẽ hiện trạng vị trí thì khoảng cách từ tim đường đến lề đường là 6m. Do đó phần diện tích 197m² chưa được bồi thường, hỗ trợ là không đúng. Vì phần diện tích 3m lề này được công nhận thuộc quyền sử dụng của ba bà theo GCN số 313/QSDĐ ngày 23/7/1993, tuy nhiên khi cấp đổi sang GCN số 111/QSDĐ ngày 19/4/1995 và cấp đổi sang GCN số 111/QSDĐ ngày 15/3/2000 thì bị cắt lộ giới tính từ tim đường Quốc lộ 50 vào lần lượt là 4m, 5m và đến khi có quyết định thu hồi đất thì bị cắt 6m.

Việc UBND huyện B không tiến hành xác minh quá trình cấp đổi GCN và xem xét phần diện tích 3m lề của gia đình bà bị mất do sai sót trong quá trình cấp đổi GCN để bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 197m² bị thu hồi còn thiếu theo đúng quy định pháp luật mà cho rằng ba bà trong quá trình được cấp đổi GCN đã không có khiếu nại về việc cấp đổi này để bác yêu cầu bồi thường phần diện tích 197 m² là không khách quan, không đảm bảo quyền lợi của người dân. Đối với trường hợp của hộ ông Phạm Văn G thì lại được UBND huyện B bồi thường 3m lề đường theo Phiếu Chiết tính số 1101/PCT-BBT ngày 20/3/2015 và bản đồ hiện trạng vị trí kèm theo nhưng gia đình bà thì lại không được xem xét bồi thường là không hợp lý. Do đó, Quyết định 15138/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và các quyết định giải quyết khiếu nại số 2533/QĐ-UBND, 6058/QĐ-UBND không xem xét giải quyết bồi thường phần diện tích đất bị thu hồi này cho gia đình bà là không đúng quy định của pháp luật.

Tại dự án xây dựng đường C - L, theo các quyết định thu hồi đất, quyết định giải quyết khiếu nại cho rằng phần diện tích đất Rạch 8,5m² là do Nhà nước trực tiếp quản lý nên không tiến hành bồi thường cho bà. Phần diện tích đất này được ba bà sử dụng từ trước năm 1975 dùng để dẫn và thoát nước phục vụ cho việc canh tác lúa, quá trình sử dụng không có tranh chấp với ai. Việc gia đình bà sử dụng phần diện tích đất rạch 8,5m² này đã được UBND xã xác nhận mượn (kính) do gia đình bà tự làm để dẫn nước, Nhà nước không có đào kinh đối với phần đất này được Chủ tịch UBND xã là ông Nguyễn Văn T4 xác nhận ngày 19/02/2014 và được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B ra Thông báo số 642 ngày 19/5/2014 công nhận mượn do dân tự làm.

Như vậy, khi thu hồi phần diện tích đất này, UBND huyện không tiến hành xác minh, xem xét, khảo sát về nguồn gốc hình thành và quá trình thực tế sử dụng của gia đình bà, không căn cứ vào các xác nhận và thông báo của các cơ quan trên mà cho rằng phần diện tích này do Nhà nước trực tiếp quản lý sử dụng là không chính xác, không phù hợp với thực tế. Do đó, tại Quyết định số 1797/QĐ-UBND điều chỉnh một phần nội dung Quyết định 2221/QĐ-UBND về việc điều chỉnh diện tích đất thu hồi của bà (đại diện hộ), quyết định số 7521/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ để không bồi thường, hỗ trợ cho bà phần diện tích đất Rạch 8,5m² và các quyết định giải quyết khiếu nại số 6993/QĐ-UBND, quyết định số 914/QĐ-

UBND đề bác yêu cầu giải quyết bồi thường, hỗ trợ phân diện tích đất rạch này là không đúng, xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi của gia đình bà.

Việc bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc tại hai dự án là không đúng quy định, không đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà:

Thứ nhất, việc UBND huyện B bồi thường phần nhà, vật kiến trúc nêu tại số T, 2, 5, 9 và 11 Mục 3 Phiếu Chiết tính 2002/PCT-BBT ngày 18/8/2015 không áp dụng giá bồi thường theo dự án xây dựng cao tốc B - L mà căn cứ diện tích nhà, vật kiến trúc để áp dụng giá bồi thường thấp theo dự án nâng cấp Quốc lộ E là không đúng, có nhiều sai phạm. Phần nhà, vật kiến trúc trên của bà đủ điều kiện bồi thường theo Phương án số 18/PA-HĐBT nhưng UBND huyện B lại bồi thường theo Phương án số 263/PA-HĐBT với đơn giá bồi thường thấp hơn là không phù hợp. Đồng thời, phần nhà, vật kiến trúc nêu tại số thứ tự 2, 4, 5 tại Phiếu chiết tính 979/PCT-BBT ngày 20/8/2014 tương ứng là phần nhà, vật kiến trúc tại số thứ tự 2, 5, 9 và 11 Mục 3 Phiếu chiết tính 2002/PCT-BBT thì lại được UBND huyện, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện lập hồ sơ bồi thường sai vì cùng một công trình bị giải tỏa lại được ghi nhận khác nhau tại các Bản vẽ hiện trạng vị trí (dự án Quốc lộ E ghi nhận là “Nhà 2” diện tích 40,79m²; dự án cao tốc B - L ghi nhận là Hiên 1, diện tích 12,68m² và Nhà 3, diện tích 28,11m²) là không phù hợp với kết cấu của một căn nhà; điều này đã được UBND Thành phố xác minh và kết luận tại mục 3.1 Thông báo số 47/TB-UBND ngày 30/03/2023.

Thứ hai, việc lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc không đảm bảo quyền lợi của người dân. Phần nhà đất, vật kiến trúc của gia đình bà bị ảnh hưởng bởi 02 dự án, tuy nhiên quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ UBND huyện B không thực hiện đúng theo chỉ đạo của UBND Thành phố, cụ thể theo Thông báo số 920/TB-VP ngày 25/11/2015 của Văn phòng UBND Thành phố ban hành về nội dung kết luận của Phó Chủ tịch UBND thành phố N tại buổi họp xem xét tiến độ thực hiện dự án đường C - L, có nội dung: “Đối với các hộ dân tại khu vực nút giao giữa Quốc lộ E và dự án đường C - L (chịu ảnh hưởng bởi cả 02 dự án), thống nhất chủ trương thực hiện giải tỏa 01 lần để tạo điều kiện cho các hộ dân sớm ổn định cuộc sống; về chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư được áp dụng chính sách của dự án nào có lợi nhất cho người dân đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi ở cả 02 dự án (theo chính sách của dự án Quốc lộ E); phần kinh phí giải phóng mặt bằng thì hạch toán theo từng dự án”.

Thứ ba, về đơn giá bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc không đúng chủ trương của UBND Thành phố, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của gia đình bà, không phù hợp với đơn giá xây dựng trên thực tế. Cụ thể đơn giá bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc đối với nhà, vật kiến trúc và cây trồng theo đơn giá của Phương án 263/PA-HĐBT thuộc dự án nâng cấp Quốc lộ E là rất thấp vì UBND huyện B áp dụng theo đơn giá tại Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20/02/2008 quy định về biểu giá chuẩn về suất đầu tư phần xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố, được sửa đổi, bổ sung bởi quyết định số 64/2008 ngày 31/07/2008. Đơn giá bồi thường, hỗ trợ theo hai quyết định này được khảo sát từ

năm 2007 cho đến thời điểm chi hỗ trợ, bồi thường theo quyết định 10187/QĐ-UBND ngày 25/10/2015 đã là gần 08 năm và không còn phù hợp với thực tế. Ngoài ra UBND huyện B không thực hiện đúng chỉ đạo của UBND thành phố theo Thông báo số 920/TB-VP ngày 25/11/2015, nếu thực hiện đúng văn bản này thì gia đình bà đáng lẽ được bồi thường, hỗ trợ toàn bộ vật kiến trúc, nhà ở, cây trồng theo phương án số 18/PA-HĐBT của Dự án xây dựng đường cao tốc B - L với đơn giá được điều chỉnh theo Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND Thành phố quy định về biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố với đơn giá cao hơn nhiều lần so với đơn giá tại dự án nâng cấp Quốc lộ E. Bên cạnh đó, việc chậm chi bồi thường, hỗ trợ thuộc về trách nhiệm của UBND huyện B nên dẫn đến việc bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc, cây trồng không còn phù hợp với đơn giá thực tế tại thời điểm bồi thường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của người dân như bà. Đồng thời, căn nhà D1 là nhà biệt thự trệt nhưng Phiếu chiết tính 979/PCT-BBT ngày 20/8/2014 lại áp đơn giá bồi thường là 1.550.000 đồng/ m² theo giá nhà cấp 4 (mục 4 số thứ tự 3 biểu giá ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND). Do đó, các quyết định bồi thường, hỗ trợ 15138/QĐ-UBND, 10187/QĐ-UBND, quyết định giải quyết khiếu nại 9125/QĐ-UBND, 915/QĐ-UBND và các quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung 117/QĐ-UBND, 153/QĐ-UBND, 10843/QĐ-UBND đã áp dụng không đúng giá bồi thường nên cần phải hủy các quyết định này.

Thứ tư, việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung vật kiến trúc và chi phí sửa chữa theo Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 05/07/2023 không đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà. Cụ thể đối với yêu cầu khiếu nại hỗ trợ chi phí sửa chữa, di dời cho bà theo đơn khiếu nại ngày 14/09/2017 đã được UBND huyện B giải quyết trong công văn số 827/UBND ngày 15/03/2019 về việc phúc đáp đơn kiến nghị của bà với nội dung nhận định tại mục 2 như sau “xét thấy hộ bà Phạm Thị Hồng T có các công trình số D7/232A1 + D7/232A1/1 + D7/233/2 ấp D, xã Đ, huyện B chỉ bị giải toả một phần nên đủ điều kiện xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa theo quy định. Do đó, hiện nay UBND huyện đã giao Phòng Quản lý đô thị Huyện phối hợp các đơn vị có liên quan để xem xét tính hỗ trợ cho bà Phạm Thị Hồng T theo quy định” nhưng mãi đến tháng 07/2023 thì quyết định số 4668/QĐ-UBND kèm theo Phiếu Chiết tính 3303/PCT-BBT ngày 20/02/2019 mới được ban hành để tính hỗ trợ cho bà, việc chậm hỗ trợ này thuộc về UBND huyện B, đã được UBND Thành phố nhận định tại Mục 1 Phần II Thông báo số 47/TB-UBND ngày 30/03/2023. Bên cạnh đó, cũng tại Quyết định 4668/QĐ-UBND ban hành kèm theo Phiếu chiết tính số 3396/PCT-BBT ngày 05/07/2023 thì UBND huyện B mới tính phần vật kiến trúc nhà cho bà theo đơn giá 2.620.000 đồng/m² (theo Quyết định 66/2012/QĐ-UBND, áp theo Phương án số 18/PA-HĐBT), tuy nhiên đơn giá này không còn phù hợp với thực tế và quy định của UBND thành phố, theo đó đáng lẽ nhà của bà phải được bồi thường với đơn giá là 3.135.000 đồng/m² theo quy định tại mục 4 số thứ tự 3 Bảng giá ban hành kèm theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 30/08/2019 của UBND Thành phố về bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn Thành phố đang có hiệu lực

thi hành từ ngày 10/9/2019. Do đó, đơn giá bồi thường, hỗ trợ tại quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 05/07/2023 không đảm bảo tính thực tế và đúng quy định pháp luật nên cần phải huỷ quyết định này.

Như vậy, từ các phân tích trên cho thấy việc bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc tại hai dự án là không đúng quy định, và việc chậm bồi thường, hỗ trợ thuộc trách nhiệm của UBND huyện B khiến cho đơn giá bồi thường, hỗ trợ không còn phù hợp với thực tế và quy định hiện hành của pháp luật. Do đó, cần phải huỷ các quyết định này để tính lại theo đơn giá phù hợp với thực tế hiện nay và cần phải áp dụng quy định tại công văn 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/4/2015 để tính hỗ trợ do chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà.

Phần đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở có nhà bị thu hồi của bà tại dự án xây dựng đường C - L đủ điều kiện được công nhận là đất ở do vẫn còn trong hạn mức:

Tại dự án xây dựng cao tốc B - L, gia đình bà bị thu hồi 763,7m², trong đó theo quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 03/09/2015 bồi thường hỗ trợ về đất, vật kiến trúc và hoa màu, và quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 25/02/2017 của UBND huyện B bồi thường bổ sung về đất cho gia đình bà T. Theo 2 quyết định bồi thường, hỗ trợ: -Bồi thường về đất ở 127,6 m² thuộc một phần thửa 49, tờ bản đồ 43 tài liệu 2005, tương ứng một phần thửa 580, tờ bản đồ 13 (tài liệu 02/CT-UB); 81,9 m² thuộc một phần các thửa 49, 83 tờ bản đồ 43 tài liệu 2005, tương ứng một phần thửa 79, 82 tờ bản đồ 13 (tài liệu 2005) theo đơn giá đất nông nghiệp trong khu dân cư mặt tiền Quốc lộ E; 538,9 m² thuộc một phần các thửa 49, 83 tờ bản đồ 43 tài liệu 2005, tương ứng một phần thửa 78, 80 tờ bản đồ 13 (tài liệu 2005) theo đơn giá đất nông nghiệp trong khu dân cư không mặt tiền Quốc lộ E; và 15,3 m² thuộc một phần 83 tờ bản đồ 43 tài liệu 2005, tương ứng một phần thửa 541 tờ bản đồ 13 (tài liệu 2005) theo đơn giá đất nông nghiệp trong khu dân cư không mặt tiền.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 6058/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 thì đối với phần đất vườn, ao thuộc 633,5m² của bà bị thu hồi tại dự án nâng cấp Quốc lộ E được công nhận và bồi thường theo đơn giá đất ở vì không vượt quá 05 lần hạn mức đất ở. Tổng cả hai dự án bà bị thu hồi 1.397,2m²/3.007m², phần diện tích đất còn lại không bị thu hồi là 1.609,8m² (bao gồm 272,4m² đất ở và 1.337,4m² đất khác). Phần diện tích đất vườn, ao trong tổng số diện tích bị thu hồi tại dự án xây dựng cao tốc B - L của bà đủ điều kiện được công nhận là đất ở nhưng UBND huyện B chỉ tính cho bà 127,6m² là đất ở được bồi thường là không đúng quy định pháp luật, vì căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai 2003, điểm b, c khoản 1 Điều 45 Nghị định 181/NĐ-CP và điểm d khoản 1 Điều 1, khoản 2 Điều 2 Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07/01/2014 của UBND Thành phố quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn thành phố thì hạn mức đất ở tại địa bàn huyện B là không quá 300m²/hộ nên hạn mức đất ở của gia đình bà tối đa không quá 1500m² (5 x 300m²), do đó phần diện tích đất vườn ao còn lại bị thu hồi tại dự án xây dựng cao tốc B - L của gia đình bà đủ điều kiện công nhận là đất ở được tính như sau: $1500\text{m}^2 - (663,5\text{m}^2 + 272,4\text{m}^2 + 127,6\text{m}^2) = 466,5\text{m}^2$.

Như vậy, đối với dự án xây dựng đường C - L, UBND huyện B chỉ tính bồi thường cho gia đình bà 127,6m² là đất ở là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai 2003, điểm b, c khoản 1 Điều 45 Nghị định 181/NĐ-CP. Trong khi quyết định giải quyết khiếu nại 6058/QĐ-UBND lại tính công nhận phần diện 633,5m² là đất ở vì còn trong 5 lần hạn mức. Do đó, cần phải huỷ các Quyết định 7521/QĐ-UBND, 3242/QĐ-UBND và các quyết định giải quyết khiếu nại số 6993/QĐ-UBND, 914/QĐ-UBND để tính bồi thường lại phần diện tích 466,5m² đất vườn, ao đủ điều kiện công nhận là đất ở theo đơn giá đất ở.

Việc thực hiện hỗ trợ lãi suất chậm chi tiền bồi thường không đúng quy định:

Việc tính hỗ trợ chậm chi trả và hỗ trợ lãi suất của UBND huyện B là không đảm bảo quyền lợi của người dân, cụ thể ngày 10/10/2012 UBND huyện B phê duyệt Phương án số 263/PA-HĐBT theo quyết định số 5830/QĐ-UBND, đến ngày 13/08/2012, UBND huyện ban hành quyết định thu hồi đất của gia đình bà theo quyết định số 4264/QĐ-UBND và ngày 25/12/2012 ban hành quyết định 9296/QĐ-UBND điều chỉnh quyết định 4264/QĐ-UBND. Ngày 23/12/2014 UBND huyện B ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 15138/QĐ-UBND cho gia đình bà với tổng số tiền là 1.213.241.709 đồng, ngày 13/08/2015 thì Ban bồi thường huyện B mới trao quyết định 15138/QĐ-UBND cho bà và gửi tiền bồi thường vào ngân hàng vào ngày 27/02/2017. Như vậy, việc không xem xét hỗ trợ lãi suất cho gia đình bà trong khoảng thời gian từ khi ban hành quyết định 15138/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 đến ngày 01/01/2015 là không đảm bảo quyền lợi của bà vì nếu áp dụng quy định tại điểm b, c mục 4 công văn số 2163/UBND-ĐTMT thì gia đình bà chỉ được tính hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ chậm chi tính từ ngày 01/01/2015.

UBND huyện B thực hiện sai công văn số 2163/UBND-ĐTMT, theo đó ngày 23/12/2014 ban hành Quyết định số 15138/QĐ-UBND nhưng đến ngày 13/08/2015 thì Ban bồi thường huyện B mới trao quyết định này cho bà Phạm Thị Hồng Đ (đại diện theo uỷ quyền của bà), sau đó bà mới phát hiện biên bản trao quyết định bồi thường đã bị đánh tráo và ghi ngày trao quyết định thành ngày 30/12/2014. Tại Giấy biên nhận số 1355/BN-BTCD ngày 14/10/2015 có ghi nhận việc bà nộp đơn khiếu nại quyết định 15138/QĐ-UBND có nộp kèm Biên bản trao quyết định ngày 13/08/2015. Việc đánh tráo ngày giao quyết định bồi thường với mục đích để không phải chi trả tiền chậm chi trả tiền bồi thường theo điểm b khoản 1 Công văn số 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/04/2015. Sau nhiều lần bà khiếu nại, kiến nghị thì UBND huyện B mới thực hiện việc tính hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ chậm chi trả cho gia đình bà.

Căn cứ điểm c khoản 4 Công văn số 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/04/2015 có quy định từ ngày 01/01/2016 trở về sau áp dụng việc thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức chậm nộp theo quy định của Luật quản lý Thuế tính trên số tiền chậm chi trả (tính trên tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cộng với lãi suất đến ngày 31/12/2015) cho người có đất bị thu hồi. Với quy định này UBND huyện B đã không thực hiện đúng về việc tính tiền hỗ trợ lãi suất và hỗ trợ chậm chi trả cho bà, cụ thể UBND huyện đã không căn cứ vào số tiền bồi thường bổ sung tại

Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 để tính tiền hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ chậm chi trả cho bà. Ngoài ra, số tiền bồi thường làm căn cứ tính tiền hỗ trợ lãi suất, tiền chậm chi theo quyết định hỗ trợ lãi suất số 5730/QĐ-UBND ngày 08/08/2022 và Quyết định hỗ trợ lãi suất số 4614/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 không đúng với đơn giá bồi thường thực tế tại thời điểm bồi thường. Cụ thể, số tiền bồi thường hỗ trợ, tại các quyết định số 15138/QĐ-UBND, 7521/QĐ-UBND, 3242/QĐ-UBND còn áp dụng theo đơn giá tại Phương án bồi thường số 18/PA-HĐBT và 263/PA-HĐBT, trong khi thời điểm ban hành quyết định bồi thường thì đơn giá này không còn phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Do đó, việc UBND huyện B căn cứ vào số tiền bồi thường tại các quyết định này để ban hành quyết định hỗ trợ lãi suất cho gia đình bà là không đúng. Do đó, cần phải hủy quyết định hỗ trợ lãi suất số 5730/QĐ-UBND ngày 08/08/2022 và quyết định hỗ trợ lãi suất số 4614/QĐ-UBND ngày 30/6/2023.

Việc bồi thường từ ông Phạm Văn C sang bà (Phạm Thị Hồng T):

Thứ nhất, về mặt chủ thể được bồi thường. Phần nhà đất của ông Phạm Văn C bị thu hồi, giải toả trắng trong 02 dự án, đối với phần đất bị ảnh hưởng tại dự án nâng cấp Quốc lộ E có diện tích 140,4m² thuộc một phần thửa 78, 79, 82 tờ bản đồ 13 và một phần thửa 895 tờ bản đồ 12 tương ứng một phần thửa 49, 81 tờ bản đồ 43 theo tài liệu năm 2005, hiện trạng trên đất có nhà xây dựng từ trước năm 1986, hiện tại là căn nhà có số D. Phần diện tích nhà đất này đã được cha bà ông Phạm Văn L cho ông Phạm Văn C từ năm 1990 và được ông C sử dụng ổn định, không có tranh chấp với bất kỳ ai cho đến thời điểm có quyết định thu hồi. Việc phân diện tích đất này hiện nay do bà đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vì trước đây (từ trước năm 2009) khi làm thủ tục tách thửa tặng cho ông C thì được cơ quan nhà nước có thẩm quyền trả lời không đủ điều kiện tách thửa do đã có chủ trương thông báo thu hồi đất nên đến khi ba bà mất các đồng thửa kế đã thống nhất cử bà đại diện đứng tên. Tuy nhiên phần nhà đất này thực tế vẫn do ông C quản lý, sử dụng và đã tách sổ hộ khẩu riêng. Việc không tách thửa sang tên được là do có quy hoạch của nhà nước nên bà không thể thực hiện được. Do đó việc xác định phần diện tích nhà đất này là của bà căn cứ vào GCN đứng tên bà là hoàn toàn không phù hợp thực tế.

Việc UBND huyện B ban hành Quyết định 8698/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 về điều chỉnh chủ thể bồi thường đối với phần diện tích 140,4m² đất bị thu hồi tại dự án nâng cấp Quốc lộ E điều chỉnh từ chủ thể ông Phạm Văn C sang tên bà và sau đó ban hành Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 12/04/2019 về bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại với số tổng tiền 245.832.257 đồng cho bà là không đúng thực tế, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông Phạm Văn C. Việc điều chỉnh chủ thể bồi thường của UBND huyện B trong trường hợp này là nhằm né tránh việc bố trí tái định cư cho ông Phạm Văn C do nhà đất bị giải toả trắng tại 02 dự án.

Như vậy, từ thực tế nêu trên, cần phải hủy các Quyết định số 8698/QĐ-UBND ngày 01/10/2018, Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 12/04/2019 và các quyết định giải quyết khiếu nại số 6993/QĐ-UBND, 914/QĐ-UBND.

Thứ hai, về đơn giá bồi thường. Trong trường hợp bà (đại diện hộ) là chủ thể được bồi thường khi thu hồi, bồi thường diện tích 140,4m² đất này thì diện tích đất này đủ điều kiện để được bồi thường theo đơn giá đất ở (đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở có nhà được công nhận là đất ở) nên UBND huyện B ban hành Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 12/04/2019 bồi thường cho bà theo đơn giá đất nông nghiệp và không bồi thường công trình, kiến trúc trên đất là không đúng quy định pháp luật và Phương án bồi thường.

Yêu cầu hỗ trợ 100% mức hỗ trợ ngừng sản xuất kinh doanh:

Căn nhà D7/232A1, D7/232A1/1 và D7/233/2 ấp D, xã Đ, huyện B của gia đình bà bị giải tỏa theo Dự án xây dựng đường cao tốc B - L đã được bà cho thuê nhà ở. Do không được cơ quan chức năng hướng dẫn kê khai, nộp thuế, đăng ký kinh doanh và vì bà đã tuổi cao nên có phần thiếu hiểu biết pháp luật. Do đó, bà đủ điều kiện được hưởng 50% mức hỗ trợ do ngừng sản xuất kinh doanh theo phương án bồi thường số 18/PA-HĐBT, nhưng UBND huyện B không xem xét và giải quyết yêu cầu khiếu nại này của bà cũng như không cho bà hưởng mức hỗ trợ này là không đảm bảo quyền lợi của gia đình bà.

Yêu cầu bố trí tái định cư cho cá nhân bà - Phạm Thị Hồng T:

Phần diện tích đất do bà đại diện hộ gia đình đứng tên trên GCN số CH00398 ngày 12/8/2010 đối với phần diện tích 3.815m² có nguồn gốc do ba bà - ông Phạm Văn L1 chết năm 2009 để lại. Tại hai dự án nâng cấp Quốc lộ E và dự án xây dựng đường Cao tốc - B - L gia đình bà bị thu hồi 1.397m² đất có vị trí mặt tiền đường Quốc lộ 50, trong đó phần lớn là đất ở có diện tích 761,1m² (bao gồm phần diện tích 633,5m² bị thu hồi trong dự án nâng cấp Quốc lộ E và 127,6m² bị thu hồi trong dự án xây dựng đường cao tốc B - L). Hiện trạng phần đất trên đã có 7 căn nhà và được phân chia cho 4 hộ gia đình (bao gồm hộ của bà, hộ ông Phạm Văn C, hộ bà Phạm Thị Thu H1 và hộ bà Nguyễn Xuân D đều đã có nhà riêng và sổ hộ khẩu riêng).

Trong đó, nhà của bà có số D7/233A và nhà số D của ông Phạm Văn C bị giải tỏa trắng. Tuy nhiên, UBND huyện B lại không bố trí tái định cư cho bà và Chủ tịch UBND Thành phố không xem xét mà bác yêu cầu khiếu nại này của bà là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Lý do bà không được bố trí tái định cư vì trên đất vẫn còn lại nhà của bà Phạm Thị Thu H1 và bà Nguyễn Xuân D sử dụng (diện tích đất ở còn lại 272,4m²), và phần diện tích đất nông nghiệp còn lại đứng tên bà (vì trên GCN bà đại diện các anh chị em trong gia đình đứng tên). Như vậy, lý do được đưa ra là hoàn toàn không phù hợp thực tế vì phần nhà đất còn lại của bà Phạm Thị Thu H1 và bà Nguyễn Xuân D thực tế bà không có quyền sử dụng vì đã được chia và tách sổ hộ khẩu riêng của từng gia đình nên không thể dùng lý do này để không tiến hành bố trí tái định cư cho bà.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 37 của Bản quy định kèm theo Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/10/2010, điểm d khoản 1 Mục II phần VI của Phương án số 18/PA-HĐBT ngày 22/01/2012 và điểm d khoản 1 Mục II phần VI của Phương án số 263/PA-HĐBT 08/10/2012 thì gia đình bà đủ điều kiện để được

bố trí tái định cư nhưng UBND huyện B không tiến hành xác minh và gửi báo cáo đề xuất xem xét cho bà là không đúng quy định pháp luật.

Đồng thời, tại Thông báo số 47/TB-UBND ngày 30/03/2023 của UBND Thành phố đã nhận định tại mục 3.3 Phần II và nhận định tại Phần IV Công văn số 1539/UBND của UBND huyện B ngày 21/4/2023 về bố trí tái định cư của đối với bà. Do đó, trong trường hợp này nhà bà bị giải tỏa trắng và phần diện tích đất còn lại đã có quy hoạch và không đủ diện tích đất ở nên cần thiết phải bố trí tái định cư cho bà nhưng UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND Thành phố không xem xét giải quyết yêu cầu này là không đúng quy định pháp luật.

Việc thụ lý giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện B, Chủ tịch UBND Thành phố không đúng quy định tại Luật Khiếu nại năm 2011:

Ngày 14/9/2017, bà có gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện B để khiếu nại quyết định số 7521/QĐ-UBND và quyết định 3242/QĐ-UBND (dự án xây dựng đường C - L) với 04 nội dung khiếu nại yêu cầu giải quyết: Được lập hồ sơ bồi thường riêng cho từng thành viên trong hộ gia đình; Bố trí nền tái định cư cho cá nhân bà Phạm Thị Hồng T do nhà, đất bị giải tỏa trắng; Hỗ trợ ngừng sản xuất kinh doanh, hỗ trợ sửa chữa, di dời (giải tỏa một phần); Xem xét lại đơn giá bồi thường sát thực tế hiện nay. Bên cạnh đó, tại Biên bản đối thoại ngày 13/07/2018 giữa bà Phạm Thị Hồng Đ (đại diện theo uỷ quyền của bà) với Chủ tịch UBND huyện B, tại phần ký tên bà Đ cũng đã ghi rõ các yêu cầu khiếu nại của bà. Tuy nhiên, quá trình giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 6993/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 và đến ngày 12/3/2019 Chủ tịch UBND Thành phố ban hành quyết định số 914/QĐ-UBND chỉ giải quyết 01 yêu cầu khiếu nại của bà về yêu cầu được lập hồ sơ bồi thường riêng cho từng thành viên trong hộ gia đình với lý do căn cứ vào biên bản làm việc ngày 10/10/2017 giữa UBND huyện với bà Phạm Thị Hồng Đ (đại diện theo uỷ quyền của bà) xác định nội dung khiếu nại và yêu cầu giải quyết 01 nội dung như trên.

Căn cứ theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011 thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu tối đa không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý, ngày 15/01/2018 có thông báo thụ lý số 195/TB-UBND. Do đó đến ngày 01/8/2018 Chủ tịch UBND huyện B mới ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là vượt quá thời hạn quy định (gần 08 tháng), đồng thời vi phạm thời hạn thụ lý giải quyết khiếu nại là 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại theo quy định tại Điều 27 Luật Khiếu nại 2011. Bên cạnh đó, ngày 10/10/2018 bà có đơn yêu cầu giải quyết khiếu nại lần hai nhưng đến tận ngày 12/3/2019 Chủ tịch UBND thành phố mới ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 914/QĐ-UBND là vượt quá thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai (gần 05 tháng) tối đa không quá 60 ngày quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại 2011.

Việc chỉ thụ lý giải quyết một nội dung khiếu nại của bà căn cứ vào biên bản ngày 10/10/2017 là không đúng. Vì theo quy định tại Điều 8 Luật Khiếu nại 2011 thì nội dung đơn khiếu nại của bà đảm bảo quy định và có nêu rõ bốn nội dung

khiếu nại yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết khiếu nại không có việc rút ba yêu cầu còn lại cũng như không có đơn rút yêu cầu khiếu nại và biên bản ghi nhận việc rút đơn theo quy định tại Điều 10 Luật Khiếu nại 2011 và Điều 7 Thông tư liên tịch 06/2014/TTLT-BTP-TTCT-BQP ngày 31/3/2014. Biên bản làm việc ngày 10/10/2017 chỉ là hình thức làm việc trực tiếp với người khiếu nại để xác minh và yêu cầu người khiếu nại cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khiếu nại của mình được quy định tại Điều 11 Thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại.

Tương tự, ngày 14/10/2015 bà có đơn khiếu nại quyết định 15138/QĐ-UBND, đến ngày 09/11/2015, UBND huyện B mới ban hành thông báo thụ lý số 3269/TB-UBND và đến ngày 20/4/2016 thì Chủ tịch UBND huyện mới ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần một số 2533/QĐ-UBND. Như vậy, việc thụ lý yêu cầu giải quyết khiếu nại của UBND huyện đã vi phạm thời hạn nên tại Điều 27 và quá thời hạn giải quyết khiếu nại (gần 05 tháng) đã vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại tại Điều 28 Luật Khiếu nại 2011.

Từ các lý do trên, bà T nhận thấy các quyết định bồi thường, quyết định giải quyết khiếu nại có nhiều nội dung vi phạm quy định pháp luật, chưa phù hợp với thực tế, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, chấp nhận các yêu cầu sau của bà:

Đối với dự án nâng cấp Quốc lộ E:

1. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định 15138/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND huyện B về bồi thường hỗ trợ thiệt hại đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ ông Phạm Văn L đã chết);

2. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2533/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND huyện B;

3. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định 10187/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND huyện B về bồi thường, hỗ trợ bổ sung thiệt hại đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ);

4. Tuyên hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 6058/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố đối với bà Phạm Thị Hồng T. Cụ thể giữ nội dung giải quyết khiếu nại công nhận phần diện tích đất 633,5m² đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá đất ở; hủy các nội dung giải quyết khiếu nại còn lại bao gồm việc xác định đơn giá đất ở bồi thường đối với diện tích đất 633,5m² được bồi thường theo đơn giá được quy định tại Phương án số 263/PA-HĐBT ngày 08/10/2012;

5. Tuyên hủy một phần Quyết định 117/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của UBND huyện B về bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, đất đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ). Cụ thể hủy phần quyết định bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc với số tiền là 47.570.510 đồng (Bốn mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, năm trăm mười đồng) (tương ứng với Mục III Phiếu chiết tính

số 1679/PCT-BBT ngày 29/11/2017), huỷ đơn giá bồi thường đất ở đối với phần diện tích 633,5m² theo đơn giá 11.609.000 đồng/m² (tương ứng với Mục II Phiếu chiết tính số 1679/PCT-BBT ngày 29/11/2017), giữ phần xác định bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần diện tích đất 633,5m² là đất ở;

6. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 8698/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND huyện B về điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 13/8/2012 và Quyết định số 9293/QĐ-UBND ngày 25/12/2012 của UBND huyện B;

7. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu 9125/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện B đối với bà Phạm Thị Hồng T.

8. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND huyện B về bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, đất đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ ông Phạm Văn L đã chết).

9. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai 915/QĐ-UBND ngày 12 tháng 03 năm 2019 của Chủ tịch UBND Thành phố đối với bà Phạm Thị Hồng T.

10. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện B về việc điều chỉnh sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 15138/QĐ-UBND.

11. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 12/04/2019 của UBND huyện B về bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ);

12. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 10843/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2018 của UBND huyện B về bổ sung bồi thường cây trồng đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình).

Dự án xây dựng đường cao tốc B-L:

1. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định 7521/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 và Quyết định 3242/QĐ-UBND ngày 25/02/2017 của UBND huyện B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ);

2. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 6993/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện B liên quan đến bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho bà Phạm Thị Hồng T.

3. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 914/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố đối với bà Phạm Thị Hồng T.

4. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 4614/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện B về hỗ trợ lãi suất đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ) thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B.

5. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 05/7/2023 năm 2023 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc bổ sung đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ).

6. Tuyên hủy Quyết định 3242/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh “Về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết) địa chỉ thường trú: D7/233A ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố, thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B”

Đồng thời, có kiến nghị với UBND huyện B về việc Ban hành Quyết định mới giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Phạm Thị Hồng T một cách thỏa đáng, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi chính đáng của công dân khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án nâng cấp Quốc lộ E. Theo hướng đề nghị sau:

- Hỗ trợ bồi thường riêng cho từng thành viên trong hộ gia đình đối với phần đất bị thu hồi trong hai dự án, vì mỗi thành viên trong hộ gia đình đều có hộ khẩu riêng, có nhà trên đất, quyền lợi ảnh hưởng trực tiếp, riêng biệt với đơn giá đất ở theo giá thị trường tại thời điểm tiến hành bồi thường.

- Tái định cư cho các hộ gia đình bị thu hồi nhà, đất theo quy định, vì sau khi bị thu hồi nhà và đất, các hộ không còn chỗ ở nào khác tại địa phương.

- Hỗ trợ vật kiến trúc đối với diện tích bị thu hồi trong 02 dự án theo đơn giá tại thời điểm chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà.

- Kiến nghị đến Chủ tịch UBND Thành phố xem xét trách nhiệm của U, Chủ tịch UBND huyện B, UBND Thành phố trong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà, khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án xây dựng B - L và Dự án nâng cấp đường Quốc lộ 50 để đảm bảo đúng pháp luật, vì quyền lợi của công dân.

**Người bị kiện UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B có Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:*

I. Dự án Bến Lức - Long Thành

1. Về hồ sơ pháp lý

Theo bản đồ hiện trạng vị trí, số hợp đồng: 01/HĐĐĐ/BBT-ĐP316A và 01/HĐĐĐ/BBT-ĐP316B do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 20/5/2013 được UBND xã Đ xác nhận ngày 19/8/2014 thì bà Phạm Thị Hồng T có phần đất bị ảnh hưởng dự án với diện tích: 772,2m² thuộc một phần thửa số 49, 83, tờ bản đồ số 43, theo tài liệu Bản đồ địa chính (tương ứng một phần các thửa số 78, 79, 80, 82, 541, 580 và 1 phần rạch (diện tích 8,5m²), tờ bản đồ số 13, theo tài liệu 02/CT-UB), Bộ địa chính xã Đ, huyện B.

Theo Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong Dự án xây dựng đường cao tốc B - L được UBND xã Đ xác nhận ngày 19/8/2014, có nội dung như sau:

“Về đất:

- Nguồn gốc, tình trạng pháp lý của lô đất: đất của ông Phạm Văn L chết để lại cho bà Phạm Thị Hồng T đại diện đứng tên trên GCN QSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00398 ngày 12/8/2010.

- Ông (bà) trên sử dụng đất từ năm 2010.

- Hiện trạng: Nhà tole + sân + đất vườn.

- Hiện đất có tranh chấp không: không.

Về nhà:

- Nguồn gốc: cha là ông Phạm Văn L xây dựng, chết để lại.

- Thời điểm sửa chữa, xây dựng lại: Trước 1975 (thuộc thửa 580, tờ số 13, theo tài liệu 02/CT-UB), nhà số D, D, D7/233/2 xây dựng năm 2000.

- Mục đích sử dụng: để ở.

- Hiện căn nhà có tranh chấp không: không.

2. Về việc thu hồi đất

Căn cứ GCN đã được UBND huyện B cấp cho bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình) vào sổ số CH 00398 ngày 12/8/2010.

Căn cứ Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 18/PA-HĐBT ngày 22/01/2014 của Hội đồng Bồi thường Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B đã được UBND huyện B phê duyệt tại Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 22/01/2014.

Ngày 21/01/2014, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2229/QĐ-UBND về thu hồi đất thu hồi đất do bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết) sử dụng tại xã Đ để thực hiện dự án xây dựng đường C - L đoạn đi qua địa bàn huyện B.

Ngày 20/3/2015, UBND dân huyện B ban hành Quyết định số 1797/QĐ-UBND về điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 tại Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của UBND huyện B.

Ngày 19/01/2017, UBND huyện B ban hành Thông báo số 211/TB-UBND về đính chính số Quyết định thu hồi đất tại Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của UBND huyện B.

3. Về quá trình lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ

Ngày 03/3/2015, UBND huyện B ban hành Quyết định số 7521/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết), địa chỉ thường trú: D7/233A ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố, thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B (kèm Phiếu chiết tính số 2002/PCT-BBT ngày 18/8/2015 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng), với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 3.349.573.050 đồng.

Căn cứ Thông báo số 920/TB-VP ngày 25/11/2015 của Văn phòng UBND Thành phố về nội dung kết luận của Phó Chủ tịch UBND Thành phố N tại buổi họp xem xét tiến độ thực hiện các dự án Đường C - L và Cải tạo, nâng cấp luồng sông S (đoạn từ cầu đường sắt Bình Lợi đến cảng B);

Căn cứ Phương án số 263/PA-HĐBT ngày 08/10/2012 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B được phê duyệt tại Quyết định số 5830/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2012 của UBND huyện B;

Ngày 25/02/2017, UBND huyện B ban hành Quyết định số 3242/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết), địa chỉ thường trú: D7/233A ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố, thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B (kèm Phiếu chiết tính số 2680/PCT-BBT ngày 27/02/2016 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng) với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung là: 542.874.456 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L) đã chết là 3.892.447.506 đồng.

Không đồng ý với các Quyết định bồi thường, hỗ trợ nêu trên, ngày 14/9/2017, bà Phạm Thị Hồng Đ (đại diện theo ủy quyền cho hộ bà Phạm Thị Hồng T theo Hợp đồng ủy quyền số 01290/2014/CCBH ngày 28/3/2014 của Văn phòng C1) làm đơn khiếu nại.

Ngày 01/8/2018, UBND huyện B có Quyết định số 6993/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình), cư trú tại D ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố (lần đầu).

Không đồng ý Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện B, ngày 17/10/2018, bà Phạm Thị Hồng Đ (đại diện theo ủy quyền cho hộ bà Phạm Thị Hồng T theo Hợp đồng ủy quyền số 01290/2014/CCBH ngày 28/3/2014 của Văn phòng C1) lập hồ sơ khiếu nại tại Thanh tra thành phố.

Ngày 12/3/2019, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 914/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hồng T (lần 2).

Từ những cơ sở nêu trên, UBND huyện B ban hành Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 03/9/2015, Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 25/02/2017 về bồi thường, hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết), Quyết định số 6993/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện B, Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của UBND Thành phố về giải quyết khiếu nại đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình) là đúng quy định.

4. Cơ sở lập hồ sơ cho bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ).

Ngày 12/8/2010, UBND huyện B đã cấp GCN cho bà Phạm Thị Hồng T (là người đại diện hộ gia đình đứng tên trên GCN).

Theo hồ sơ kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong dự án đường C - L đoạn đi qua địa bàn huyện B ngày 25/12/2012 của bà Phạm Thị Hồng T, được UBND xã Đ xác nhận ngày 05/12/2013 thì phần nhà, đất ảnh hưởng trong dự án là do bà T (đại diện hộ gia đình) trực tiếp sử dụng. Đồng thời, tại thời điểm kê khai, kiểm tra hiện trạng vị trí nhà, đất, bà T không cung cấp giấy tờ liên quan đến việc tặng cho hoặc chuyển nhượng giữa các thành viên trong hộ.

Do đó, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng H2 đã lập hồ sơ cho bà T đại diện hộ trên cơ sở GCN số CH00398 ngày 12/8/2010 do UBND huyện B cấp cho bà T đại diện hộ gia đình (do ông Phạm Văn L đã chết) đứng tên trên Giấy chứng nhận.

II. Dự án Q 50

1. Cơ sở ban hành Quyết định số 10187/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND huyện B

a) Pháp lý và nguồn gốc quá trình sử dụng đất

Phần đất giải tỏa có địa chỉ tại số D ấp D, xã Đ, huyện B, thuộc một phần các thửa 78, 80, 82, tờ bản đồ số 13, theo Tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần thửa số 83, 49, tờ bản đồ số 43 theo Tài liệu đo mới 2005), Bộ địa chính xã Đ, huyện B; tổng diện tích ảnh hưởng trong dự án là 633,5m² (khu đất nằm hoàn toàn trong lộ giới 40m của Quốc lộ E), gồm:

- Phần đất có diện tích 231m² (Bản vẽ 162) thuộc một phần thửa số 49 và đường, tờ bản đồ số 43, theo Tài liệu đo mới 2005 (tương ứng một phần thửa số 78, diện tích 3,9 m², loại đất TV; một phần thửa số 80 diện tích 1,9 m², loại đất LM; một phần thửa số 82 diện tích 223,4m², loại đất LM và đường diện tích 1,8m², tờ bản đồ số 13, theo Tài liệu 02/CT-UB). Hiện trạng: sân đất, sân gạch tàu, sân xi măng + gạch tàu, thời điểm xây dựng năm 1980.

(Bà Phạm Thị Hồng T có hai căn nhà D2 và D7/233A tại thửa 78, 79, 80 tờ bản đồ 13, tài liệu 02/CT-UB nhưng hiện nay hai căn nhà đã tách thành thửa mới số 580, hiện hai căn nhà không bị ảnh hưởng dự án)

- Phần đất còn lại (Bản vẽ 166, 167, 168) có diện tích 402,5m² (633,5m² - 231m²) thuộc một phần thửa số 83 và đường, tờ bản đồ số 43, theo Tài liệu đo mới 2005 (tương ứng một phần thửa số 82, tờ bản đồ số 13, loại đất LM, theo Tài liệu 02/CT-UB). Hiện trạng trên bản vẽ 166 là đất trống. Hiện trạng trên bản vẽ 167 có căn nhà không sổ xây dựng vào năm 2003. Hiện trạng: theo bản vẽ 168 có căn nhà căn nhà D7/232A1 xây dựng vào năm 2003.

Ngày 13/8/2012, UBND huyện B ban hành Quyết định số 4264/QĐ-UBND về thu hồi đất của bà Phạm Thị Hồng T là đại diện hộ gia đình tại xã Đ để thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B, thành phố Hồ Chí Minh;

Ngày 25/12/2012, UBND huyện B ban hành Quyết định số 9296/QĐ-UBND về điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 13/8/2012, UBND huyện B, trong đó, tổng diện tích thu hồi 633,5m² thuộc một phần thửa 78, 80, 82

tờ bản đồ số 13 theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần thửa 83, 49 tờ bản đồ số 43, theo tài liệu đo mới 2005), thuộc Bộ địa chính xã Đ.

b) Cơ sở pháp lý thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ

Theo phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong Dự án do bà Phạm Thị Hồng T tự kê khai ngày 07/10/ 2010 và được UBND xã Đ xác nhận:

* Tại bản vẽ số 162:

“*Hồ sơ của bà Phạm Thị Hồng T, địa chỉ: D ấp D, xã Đ, huyện B.

- Thửa đất đền bù: một phần thửa số 49 và đường, tờ bản đồ số 43 (BĐĐC/2005).

- Diện tích: 231m².

- Hiện trạng sử dụng: sân đất, sân gạch tàu, sân xi măng + gạch tàu.

- Tài liệu 02/UB thuộc một phần thửa số 78, 80, 82 và một phần đường, tờ 13.

- Diện tích: 229,2m² lấn chiếm 1,8m².

* Về đất:

- Nguồn gốc đất: Cha Phạm Văn L mất để lại.

- Giấy tờ pháp lý: đã được cấp GCN số BC 317264 ngày 12/8/2010.

* Về nhà:

- Nhà số D ấp D, xã Đ, huyện B.

- Thời điểm xây dựng: do ông Phạm Văn L xây dựng năm 1980.

- Tranh chấp: Không.

* Tại bản vẽ số 166:

- Thửa đất đền bù: một phần thửa số 83 và đường, tờ bản đồ số 43 (BĐĐC/2005).

- Diện tích: 90,4m².

- Hiện trạng sử dụng: vườn.

- Tài liệu 02/UB thuộc một phần thửa số 82, tờ 13, mục đích sử dụng: LM.

* Về đất:

- Nguồn gốc đất: Cha Phạm Văn L mất để lại.

- Giấy tờ pháp lý: đã được cấp GCN số BC 317264 ngày 12/8/2010.

* Về nhà: Không”.

* Tại bản vẽ số 167:

- Thửa đất đền bù: một phần thửa số 83 và đường, tờ bản đồ số 43 (BĐĐC/2005).

- Diện tích: 262,8m².
- Hiện trạng sử dụng: nhà tường tole, hiên tole, nhà tole, sân đất.
- Tài liệu 02/UB thuộc một phần thửa số 82 và một phần đường, tờ 13.
- * Về đất:
 - Nguồn gốc đất: được công nhận quyền sử dụng đất.
 - Giấy tờ pháp lý: đã được cấp GCN số BC 317264 ngày 12/8/2010.
- * Về nhà:
 - Thời điểm xây dựng: sau năm 2003.
 - Tranh chấp: Không”.

Theo GCN số CH00398 ngày 12/8/2010 do UBND huyện B cấp cho bà Phạm Thị Hồng T (là người đại diện hộ), thể hiện thửa số 78 mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thửa số 80 mục đích sử dụng đất trồng cây ăn quả lâu năm, thửa số 82 mục đích sử dụng đất trồng cây ăn quả lâu năm, tờ bản đồ số 13, theo Tài liệu 02/CT-UB, trong đó, cây lâu năm, nhà ở và công trình xây dựng khác chưa chứng nhận quyền sở hữu.

Ngày 23/12/2014, UBND huyện B ban hành Quyết định số 15138/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với bà Phạm Thị Hồng T (kèm Phiếu chiết tính số 979/PCT-BBT ngày 20/8/ 2014 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Huyện) với tổng số tiền 1.213.241.709 đồng.

Khi nhận được Quyết định số 15138/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND huyện B, bà Phạm Thị Hồng T không đồng ý nên gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B.

Theo GCN số 4047/2003 ngày 21/11/2003 do UBND huyện B cấp cho ông Phạm Văn L và bà Trần Thị B1 (là cha và mẹ của bà Phạm Thị Hồng T) thể hiện thửa số 80, tờ bản đồ số 13, theo Tài liệu 02/CT-UB, diện tích 300m², mục đích sử dụng là đất ở. Do đó, phần đất diện tích 1,9 m² tại thửa số 80, tờ bản đồ số 13 của bà Phạm Thị Hồng T bị ảnh hưởng trong dự án đủ điều kiện được tính bồi thường đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư (nhà ở được công nhận sở hữu).

Qua kết quả xác minh, ngày 20/4/2016 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 2533/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hồng T, cư trú tại số D ấp D xã Đ, huyện B (Lần đầu); có nội dung:

“Điều 2. Giao Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Huyện kiểm tra, tham mưu UBND Huyện tính bồi thường bổ sung phần đất diện tích 1,9m² tại thửa số 80, tờ bản đồ số 13, theo Tài liệu 02/CT-UB theo loại đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở và tính bồi thường bổ sung cây trồng còn thiếu so với Biên bản kiểm kê hiện trạng theo đúng quy định”.

Áp dụng Khoản 1 Mục XV Chương II Phương án số 263/PA-HĐBT ngày 08/10/2012 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án nâng cấp Quốc lộ E, được Chủ tịch UBND huyện B phê duyệt theo Quyết định số 5830/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 quy định:

“1. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở dọc kênh mương và dọc tuyến đường giao thông thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 40% giá đất ở của thửa đất đó theo giá đất ở để tính bồi thường do UBND thành phố phê duyệt; diện tích được hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá năm (05) lần hạn mức giao đất ở theo quy định. Cụ thể như sau: Quốc lộ E (từ ranh P - Đa Phước đến cầu ông T3): Mặt tiền đường: 5.018.000 đồng/m²”.

Ngày 25/10/2016, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện lập Phiếu chiết tính số 1455/PCT-BBT và trình UBND huyện B ban hành Quyết định số 10187/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 về bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc, cây trồng đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình); địa chỉ thường trú: D7/233A ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố; địa chỉ giải tỏa: D7/233, D ấp D, xã Đ, huyện B trong Dự án Nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B, Thành phố; với tổng số tiền 63.567.078 đồng.

Đồng thời, bà T không đồng ý kết quả giải quyết khiếu nại số Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 20/4/2016; Bà T tiếp tục khiếu nại đến UBND Thành phố và được Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Quyết định số 6058/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hồng T, huyện B (lần hai); Tại Điều 1. có nội dung:

“- Giao Chủ tịch UBND huyện B sửa đổi Quyết định số 15138/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2014, Quyết định số 10187/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2016 của UBND huyện B theo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của Thanh tra thành phố tại Báo cáo số 452/BC-TTTP-P3 ngày 28 tháng 8 năm 2017; cụ thể tính bồi thường, hỗ trợ toàn bộ phần đất diện tích 633,5m² cho bà Phạm Thị Hồng T theo đơn giá đất ở, vị trí mặt tiền đường”..

Trên cơ sở đó, UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 về bổ sung bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất đối với bà Phạm Thị Hồng T bị ảnh hưởng trong Dự án Nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B, với số tiền 6.286.441.703 đồng.

Như vậy, Quyết định số 10187/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND huyện B là Quyết định bổ sung Quyết định số 15138/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND huyện B theo nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 20/4/ 2016 của Chủ tịch UBND huyện B.

Tuy nhiên, Quyết định số 10187/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND huyện B đã được UBND Huyện bổ sung bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất đối với bà

Phạm Thị Hồng T tại Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 đối với toàn bộ diện tích 633,5 m² theo đơn giá đất ở mặt tiền đường Quốc lộ 50 (từ ranh P-Đa Phước đến cầu ông T3), với đơn giá 11.609.000đồng/m².

2. Cơ sở ban hành Quyết định số 9125/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện B

Không đồng ý Quyết định số 10187/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND huyện B, bà Phạm Thị Hồng T có đơn khiếu nại đề ngày 21/3/2017.

Theo Biên bản làm việc ngày 26/5/ 2017 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Huyện với đại diện UBND xã Đ, đại diện Thanh tra Huyện và bà Phạm Thị Hồng Đ (đại diện bà Phạm Thị Hồng T) về kiểm tra, xác minh theo nội dung đơn khiếu nại đề ngày 21/3/2017, có nội dung như sau:

“ Cây trồng: Có 01 cây Mai $\phi 15\text{cm}$; 01 cây Sung $\phi 15\text{cm}$; 01 cây măng cầu thời kỳ cho trái ổn định”.

Theo Phiếu chiết tính số 1455/PCT-BBT ngày 07/10/2016 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Huyện, có nội dung như sau:

“* Bồi thường về cây trồng, hoa màu:

...

- M1 (thời kỳ cho trái ổn định, $\text{DO.1} \geq 10\text{cm}$), số lượng 01 cây x đơn giá 400.000 đồng = 400.000 đồng”.

Như vậy, hiện trạng trên phần đất bị ảnh hưởng trong dự án của bà Phạm Thị Hồng T có 01 cây M1 $\phi 15\text{cm}$; 01 cây Sung $\phi 15\text{cm}$; 01 cây măng cầu thời kỳ cho trái ổn định (trong đó cây M1 đã được bồi thường theo đơn giá 400.000 đồng).

Ngày 19/10/2018, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 9125/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hồng T, cư trú tại số D ấp D xã Đ, huyện B (Lần đầu)

- Về bổ sung cây trồng: Ngày 30/10/2018, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Huyện đã lập Phiếu chiết tính số 2020/PCT-BBT và trình UBND huyện B ban hành Quyết định số 10843/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 về bổ sung bồi thường cây trồng đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình) thuộc trong Dự án Nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B, Thành phố; với tổng số tiền 392.000 đồng (trong đó: sung: 01 cây x 150.000 đồng/cây và măng cầu: 01 cây x 242.000 đồng/cây).

- Về bồi thường, hỗ trợ phần vật kiến trúc nào đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ trong dự án nâng cấp Q 50 theo đơn giá vật kiến trúc của Dự án xây dựng đường cao tốc B - L:

Ngày 18/3/2019 Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố có Công văn số 112/HĐTĐBT gửi UBND huyện B về bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc của hộ dân ảnh hưởng trong Dự án xây dựng đường cao tốc B - L và Dự án nâng cấp Quốc lộ E (ảnh hưởng đồng thời 02 dự án), có nội dung:

“Đối với các hộ dân tại khu Nút giao giữa Quốc lộ E và đường cao tốc B-L (chịu ảnh hưởng bởi cả 02 dự án): Đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất sẽ tính theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại của dự án nâng cấp Quốc lộ E và vật kiến trúc bị ảnh hưởng trong dự án nào thì tính theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại vật kiến trúc của dự án đó”.

Theo hướng dẫn trên, thì trường hợp của Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình) đối với phần nhà, vật kiến trúc bị ảnh hưởng trong ranh Dự án Nâng cấp Quốc lộ 50 không được xem xét bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá nhà, vật kiến trúc của Dự án xây dựng đường cao tốc B - L.

Như vậy, Quyết định số 9125/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện B là Quyết định bổ sung cây trồng đã được UBND Huyện ban hành Quyết định bổ sung số 10843/QĐ-UBND ngày 22/11/2018.

Hiện, Quyết định số 9125/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện B đã được UBND Thành phố xem xét ban hành giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 12/3/2019, trong đó, không công nhận nội dung khiếu nại của bà Phạm Thị Hồng T về vật kiến trúc, cây trồng (cây mai theo đơn giá 4.000.000đồng/cây).

III. Ý kiến của UBND huyện B:

Từ những cơ sở trên, UBND huyện B kiến nghị Tòa án nhân dân Thành phố xét xử theo hướng không công nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết), giữ nguyên các quyết định hành chính bị kiện.

**Người bị kiện Chủ tịch UBND Thành phố H vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND Thành phố trình bày:*

- Liên quan đến Quyết định số 6058/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố:

Căn cứ Phương án bồi thường, hỗ trợ số 263/PA-HĐBT ngày 08/10/2012 của Hội đồng Bồi thường Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B (được UBND huyện B phê duyệt tại Quyết định số 5830/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2012); Phiếu chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ số 979/PCT-BBT ngày 20 tháng 8 năm 2014, UBND huyện B có Quyết định số 15138/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 bồi thường, hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình), tổng số tiền là 1.213.241.709 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 15138/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 nêu trên, bà Phạm Thị Hồng T có đơn khiếu nại đến UBND huyện B. Ngày 20 tháng 4 năm 2016, Chủ tịch UBND huyện B có Quyết định giải quyết khiếu nại số 2533/QĐ-UBND.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 2533/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND huyện B, bà Phạm Thị Hồng T gửi đơn khiếu nại đến UBND Thành phố.

Ngày 16/11/2017, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 6058/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hồng T.

- Liên quan đến Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố:

Ngày 21/01/2014, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2229/QĐ-UBND về thu hồi đất do bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết) sử dụng tại xã Đ để thực hiện Dự án xây dựng đường C - L. Tổng diện tích thu hồi là 764,4 m² thuộc một phần các thửa 80, 82, 541, 78, 79, 580, tờ bản đồ số 3, tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần các thửa 83, 49, tờ bản đồ số 43, theo tài liệu Bản đồ địa chính thuộc Bộ địa chính xã Đ, huyện B. Riêng phần rạch có diện tích 8,5 m² do Nhà nước trực tiếp quản lý theo quy định.

Ngày 20/3/2015, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1797/QĐ-UBND về điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 tại Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của UBND huyện B. Cụ thể, điều chỉnh như sau: Từ tổng diện tích thu hồi là 764,4 m² thành tổng diện tích thu hồi là 763,7 m² thuộc một phần các thửa 80, 82, 541, 78, 79, 580, tờ bản đồ số 3, tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần các thửa 83, 49, tờ bản đồ số 43, theo tài liệu Bản đồ địa chính thuộc Bộ địa chính xã Đ, huyện B. Riêng phần rạch có diện tích 8,5 m² do Nhà nước trực tiếp quản lý theo quy định.

Ngày 03/9/2015, UBND huyện B ban hành Quyết định số 7521/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ do ông Phạm Văn L đã chết (đính kèm Phiếu chiết tính bồi thường, hỗ trợ thiệt hại số 2002/PCT-BBT ngày 18/8/2015 của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện), với tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ là 3.349.573.050 đồng.

Ngày 25/02/2017, UBND huyện B ban hành Quyết định số 3242/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ do ông Phạm Văn L đã chết (đính kèm Phiếu chiết tính bồi thường, hỗ trợ thiệt hại số 2680/PCT-BBT ngày 27/12/2016 của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện), với tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung là 542.874.456 đồng.

Không đồng ý nội dung Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 và Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 25/02/2017 của UBND huyện B, bà Phạm Thị Hồng T gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B. Ngày 01/8/2018, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 6993/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình).

Không đồng ý với Quyết định số 6993/QĐ-UBND 01/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện B, bà Phạm Thị Hồng T có đơn khiếu nại đề ngày 01/10/2018 gửi Chủ tịch UBND Thành phố.

Ngày 12/3/2019, Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Quyết định số 914/QĐ-UBND về giải quyết đơn khiếu nại nêu trên của bà Phạm Thị Hồng T.

- Liên quan đến Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố:

Ngày 23/12/2014, UBND huyện B ban hành Quyết định số 15138/QĐ-UBND (đính kèm Phiếu chiết tính số 979/PCT-BBT ngày 20/8/2014 của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B) về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với bà Phạm Thị Hồng T, với tổng số tiền 1.213.241.709 đồng.

Ngày 25/10/2016, UBND huyện B ban hành Quyết định số 10187/QĐ-UBND (đính kèm Phiếu chiết tính bổ sung số 1455/PCT-BBT 07/10/2016 của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B) về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung đối với bà Phạm Thị Hồng T, với tổng số tiền 63.567.078 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 10187/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND huyện B, bà T có đơn khiếu nại đến UBND huyện B. Ngày 19 tháng 10 năm 2018, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 9125/QĐ-UBND.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 9125/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện B, bà Phạm Thị Hồng T có đơn khiếu nại đề ngày 13/11/2018 gửi Chủ tịch UBND thành phố.

Ngày 12/3/2019, Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Quyết định số 915/QĐ-UBND về giải quyết nội dung khiếu nại nêu trên của bà Phạm Thị Hồng T.

- Quyết định số 6058/QĐ-UBND ngày 16/11/2017:

a) Nguồn gốc, quá trình sử dụng của bà Phạm Thị Hồng T đối với phần nhà, đất bị ảnh hưởng trong Dự án:

Phần đất ảnh hưởng trong Dự án của bà Phạm Thị Hồng T có diện tích 633,5m² có nguồn gốc của ông Phạm Văn L (cha bà T) sử dụng trước 1975, được cấp GCN số 313/QSDĐ ngày 23/7/1993. Sau khi ông Phạm Văn L chết, bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình) được UBND huyện B cấp GCN số CH00398 ngày 12/8/2010, diện tích 3.815m², trong đó: thửa số 78 mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thửa số 80 và thửa số 82 mục đích sử dụng đất trồng cây ăn quả lâu năm, thửa số 580 (phân chiết từ thửa 78, 79, 80) diện tích 400m² mục đích sử dụng đất ở, tờ bản đồ số 13, tài liệu 02/CT-UB.

Theo các Bản đồ hiện trạng vị trí số 162, 166, 167 và 168 do Trung tâm Kiểm định bản đồ và T6 lập ngày 26/10/2010, có xác nhận của bà Phạm Thị Hồng T và UBND xã Đ, tổng diện tích đất bị ảnh hưởng trong Dự án của bà Phạm Thị Hồng T là 633,5m² (khu đất nằm hoàn toàn trong lộ giới 40m của Quốc lộ E).

+ Bản đồ số 162: diện tích 231m² thuộc một phần thửa số 49 (loại đất TV) và đường, tờ bản đồ số 43, tài liệu năm 2005 (tương ứng một phần thửa số 78, diện tích 3,9 m², loại đất TV; một phần thửa số 80 diện tích 1,9 m², loại đất LM; một phần thửa số 82 diện tích 223,4m², loại đất LM và đường diện tích 1,8 m², tờ bản đồ số 13, tài liệu 02/CT-UB). Hiện trạng bên trên: sân đất, sân gạch tàu, sân xi măng + gạch tàu.

+ Bản đồ số 166: diện tích 90,4m² thuộc một phần thửa số 83 loại đất 2L và đường, tờ bản đồ số 43, tài liệu năm 2005 (tương ứng một phần thửa số 82, tờ bản đồ số 13, loại đất LM, tài liệu 02/CT-UB). Hiện trạng bên trên: vườn.

+ Bản đồ số 167: diện tích 262,8m² thuộc một phần thửa số 83 loại đất 2L và đường, tờ bản đồ số 43, tài liệu năm 2005 (tương ứng một phần thửa số 82 diện tích 260,1m², loại đất LM và đường diện tích 2,7m², tờ bản đồ số 13, tài liệu 02/CT-UB). Hiện trạng bên trên: Nhà tường tole, hiên tole, nhà tole, sân đất.

+ Bản đồ số 168: diện tích 54,3m² thuộc một phần thửa số 83 và đường, tờ bản đồ số 43, tài liệu đo mới 2005 (tương ứng một phần thửa số 82, diện tích 53,8m², loại đất LM và đường diện tích 0,5m², tờ bản đồ số 13, tài liệu 02/CT-UB). Hiện trạng bên trên: Nhà tường tole, hiên tole, sân đất.

Ngày 25/02/2016, UBND xã Đ có Văn bản số 292/UBND, xác định: nguồn gốc đất của cha Phạm Văn L sử dụng trước năm 1975 đến năm 2009 chết để lại. Đất được cấp GCN cho ông Phạm Văn L đến năm 2009 ông L chết bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ gia đình đứng tên trên GCN số CH00398 ngày 112/8/2010. Trong công tác đăng ký sử dụng đất theo Tài liệu 299/TTg, ông Phạm Văn L đăng ký 8.128m² (thuộc một phần thửa 723, tờ bản đồ số 01), loại đất lúa (2L) được cập nhật tại trang số 109, số thứ tự 78, quyển 02, sổ đăng ký ruộng đất.

- Thời điểm xây dựng nhà và vật kiến trúc:

+ Theo bản đồ số 162: trên đất có căn nhà D và D7/233A thuộc thửa 580 tờ bản đồ số 13 tài liệu 02/CT-UB (phân chiết từ một phần thửa 78, 79, 80 tờ bản đồ số 13) không bị ảnh hưởng dự án, thời điểm xây dựng nhà, tường xây, rào sắt, sân gạch tàu, sân xi măng ngày 25/12/1980.

+ Theo bản đồ số 166: thuộc một phần thửa số 82, tờ bản đồ số 13, tài liệu 02/CT-UB hiện trạng đất trống không có nhà.

+ Theo bản đồ số 167: thuộc một phần thửa số 80, 82, tờ bản đồ số 13 tài liệu 02/CT-UB, trên đất có căn nhà không số thời điểm xây dựng năm 2003.

+ Theo bản đồ số 168: thuộc một phần thửa số 80, 82, tờ bản đồ số 13 tài liệu 02/CT-UB, trên đất có căn nhà D7/232A1 thời điểm xây dựng năm 2003.

Như vậy, phần đất diện tích 633,5m² có nguồn gốc của ông Phạm Văn L sử dụng trước năm 1975, Theo tài liệu 299/TTg ông L đăng ký 8.128m², loại đất 2L, thuộc một phần thửa 723, tờ bản đồ số 01 (tương ứng thuộc các thửa 78, 80, 82 tờ bản đồ số 13 tài liệu 02/CT-UB; tương ứng thuộc các thửa 83, 49 tờ bản đồ số 43 tài liệu năm 2005). Ông L được cấp GCN số 313/QSĐĐ ngày 23/7/1993. Sau nhiều lần cập nhật điều chỉnh biến động, bà T (đại diện hộ gia đình) được UBND huyện B cấp GCN số CH00398 ngày 12/8/2010.

Theo các Bản đồ hiện trạng vị trí, phần đất 633,5m² gồm 2 phần: bản đồ số 162 diện tích là 231m² và bản đồ số 166, 167, 168 diện tích là 402,5m². Phần đất 633,5m² nằm hoàn toàn trong lộ giới 40m của Quốc lộ E.

b) Kết quả đối thoại:

Ngày 19/7/2017, Thanh tra Thành phố tổ chức buổi đối thoại với thành phần tham dự gồm có đại diện UBND huyện B và bà Phạm Thị Hồng Đ (được bà Phạm Thị Hồng T ủy quyền). Tại buổi đối thoại bà Phạm Thị Hồng Đ và các bên liên quan không cung cấp thêm thông tin, tài liệu nào khác với các buổi tiếp xúc trước đây.

- Ý kiến của bà Phạm Thị Hồng Đ: Đồng ý Thanh tra Thành phố chủ trì buổi đối thoại liên quan đến Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND huyện B.

- Kết quả đối thoại:

Thanh tra Thành phố đề nghị UBND xã Đ báo cáo xác định các nội dung: nguồn gốc, quá trình sử dụng phần đất 633,5m² và thời điểm xây dựng: căn nhà D7/233 và D7/233A thuộc thửa 580 tờ và các căn nhà trên phần đất 633,5m² của hộ bà Phạm Thị Hồng T.

Thông qua kết quả kiểm tra, xác minh trên cơ sở hồ sơ, tài liệu đã thu thập được, ý kiến của các cơ quan, đơn vị và bà Phạm Thị Hồng T, Thanh tra Thành phố sẽ tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND Thành phố xem xét ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) theo quy định.

c) Về căn cứ pháp luật có liên quan để Chủ tịch UBND thành phố giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hồng T

* Đối với nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường diện tích đất bị thu hồi so với diện tích đất được cấp trong GCN còn thiếu 197m²:

Tại Biên bản tiếp dân ngày 05/6/2017, bà Phạm Thị Hồng Đ trình bày: Diện tích chênh lệch thiếu là do khi cấp GCN số 313/QSDĐ ngày 23/7/1993, khoảng cách tính từ tim đường đến lề đường là 3m, nhưng khi thu hồi đất theo các Bản vẽ hiện trạng vị trí khoảng cách tính từ tim đường đến lề đường là 6m.

Phần đất 03m lề đường theo tài liệu 299/TTg, thuộc một phần thửa 723, đã cấp GCN số 313/QSDĐ ngày 23/7/1993 cho ông Phạm Văn L. Tuy nhiên, phần đất này theo tài liệu bản đồ 02/CT-UB là đường, không thuộc các thửa 78, 80, 82, tờ bản đồ số 13 đã cấp GCN số 111/QSDĐ ngày 15/3/2000 (cấp đổi cho GCN số 111/QSDĐ ngày 19/4/1995) cho ông L. Khi cấp đổi từ GCN số 313/QSDĐ ngày 23/7/1993 sang GCN số 111/QSDĐ ngày 19/4/1995 và GCN số 111/QSDĐ ngày 15/3/2000 ông L không có khiếu nại về việc cấp đổi GCN.

Bà Phạm Thị Hồng T căn cứ GCN số 313/QSDĐ ngày 23/7/1993 cấp cho ông L (đã được thu hồi) đề khiếu nại yêu cầu bồi thường phần diện tích còn thiếu là không đúng.

* Đối với nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường phần đất 231m² theo đơn giá đất ở, vị trí mặt tiền đường là 11.609.000 đồng/m² và phần đất 402,5m² theo đơn giá đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở là 5.016.000 đồng/m²:

- Ngày 01/8/2017, UBND xã Đ có Văn bản số 1672/UBND báo cáo nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà của bà Phạm Thị Hồng T, như sau:

Về nguồn gốc đất: Phần đất của bà Phạm Thị Hồng T bị ảnh hưởng Dự án Quốc lộ E diện tích 633,5m² có nguồn gốc đất do cha Phạm Văn L sử dụng từ trước 1975 chôn để lại, đất đã được cấp GCN số CH00398 ngày 12/8/2010 cấp cho bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ gia đình đứng tên.

Về thời điểm xây dựng: Theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 162: căn nhà D7/233 và D4 nằm ngoài ranh dự án thuộc thửa số 580 (phân chiết từ một phần thửa 78, 79, 80) tờ bản đồ số 13 tài liệu 02/CT-UB, có nguồn gốc:

Căn cứ Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở do ông Phạm Văn L lập ngày 25/9/1999 được UBND xã Đ xác nhận ngày 10/11/1999;

Căn cứ Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư nhân dân. Qua ý kiến đóng góp của các hộ dân thì căn nhà D2 và D7/233A do ông Phạm Văn L tạo lập xây dựng vào cuối năm 1979 đầu năm 1980.

Như vậy, thời điểm xây dựng căn nhà D7/233 và D7/233A được xây dựng trước tháng 10 năm 1980.

Tóm lại, phần đất 633,5m² (231m² + 402,5m²) có nguồn gốc của ông Phạm Văn L sử dụng trước 1975, theo tài liệu 299/TTg thuộc một phần thửa 723, tờ bản đồ số 01 (do ông L đăng ký); tương ứng theo tài liệu 02/CT-UB thuộc một phần thửa số 78, 80, 82 và thửa số 580 (phân chiết từ thửa 78, 79, 80; diện tích 400m² mục đích sử dụng đất ở). Phần diện tích đất ở 400m² được cấp GCN số 2143/QSDĐ ngày 15/5/2000 cho ông L, sau khi điều chỉnh biến động được cập nhật vào GCN số CH00398 ngày 12/8/2010.

Về thời điểm xây dựng nhà: 02 căn nhà số D và D7/233A thuộc thửa 723, tờ bản đồ số 01 tài liệu 299/TTg; tương ứng thửa số 580 tờ bản đồ số 13 tài liệu 02/CT-UB có thời điểm xây dựng trước tháng 10 năm 1980.

- Theo điểm b, c, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 45 Nghị định 181/2004 ngày 29/10/2004 của Chính phủ, quy định: “Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp thửa đất ở có vườn, ao.

- Theo điểm d, Khoản 1, Điều 1 và Khoản 2, Điều 2 Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07/01/2014 của UBND Thành phố quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn Thành phố

Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07/01/2014 được thay đổi bằng Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND Thành phố, quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn Thành phố, tại điểm d Khoản 1 Điều 1 quy định hạn mức đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu dân cư nông thôn không quá 300 m²/hộ.

Xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, thời điểm tạo lập nhà của hộ bà T; đối chiếu với các quy định của pháp luật nêu trên cho thấy trường hợp của hộ bà T có cơ sở xem xét giải quyết bồi thường, hỗ trợ bằng 05 lần hạn mức đất ở. Như vậy, phần đất 633,5m² ảnh hưởng trong dự án và 400m² đất ở đã được cấp GCN chưa

vượt 05 lần hạn mức đất ở ($300\text{m}^2 \times 5 = 1.500\text{m}^2$), do đó phần đất $633,5\text{m}^2$ của hộ bà T có cơ sở xem xét, giải quyết bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá đất ở. UBND huyện B tính bồi thường phần đất $633,5\text{m}^2$ theo đơn giá đất nông nghiệp trong khu dân cư nông thôn là không đúng.

Xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 2533/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND huyện B và Báo cáo số 452/BC-TTTP-P3 ngày 28/8/2017 của Chánh Thanh tra thành phố, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 6058/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Phạm Thị Hồng T.

- Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 12/3/2019:

a) Nguồn gốc, quá trình sử dụng của bà Phạm Thị Hồng T đối với phần nhà, đất bị ảnh hưởng trong Dự án:

Phần đất bị ảnh hưởng trong Dự án xây dựng đường cao tốc B - L của bà Phạm Thị Hồng T có diện tích $763,7\text{m}^2$, nguồn gốc đất do ông Phạm Văn L (cha bà T) sử dụng trước năm 1975, được cấp GCN số 313/QSĐĐ ngày 23/7/1993. Sau khi ông L chết, bà T (đại diện hộ gia đình) được UBND huyện B cấp GCN số CH00398 ngày 12/8/2010.

Theo GCN số CH00398 ngày 12/8/2010 do UBND huyện B cấp cho bà T, là người đại diện hộ gia đình đứng tên trên GCN; riêng phần quyền sử dụng đất do ông L sử dụng (chết năm 2009) để lại, gồm các đồng thừa kế: Phạm Thị Ba sinh năm 1944, Phạm Thị Nguyệt Á sinh năm 1949, Phạm Thị Hồng Y sinh năm 1954, Phạm Thị Hồng T sinh năm 1956, Phạm Thu H1 sinh năm 1959, Phạm Thị Hồng Đ sinh năm 1962, Phạm Văn C sinh năm 1968 theo Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 04/HĐ quyền số 01/10 TP/CC-SCT/HĐGD được Chủ tịch UBND xã Đ chứng thực ngày 11/01/2010, thể hiện có 06 thửa đất với tổng diện tích 3.815m^2 , cụ thể: một phần thửa đất số 78 (diện tích 37m^2 , mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm); một phần thửa đất số 79 (diện tích 152m^2 , mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản); một phần thửa đất số 80 (diện tích 1.956m^2 , mục đích sử dụng đất trồng cây ăn quả lâu năm); trọn thửa đất số 81 (diện tích 158m^2 , mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản); một phần thửa đất số 82 (diện tích 1.112m^2 , mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm); trọn thửa đất số 580 (diện tích 400m^2 , mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn), tờ bản đồ số 13, tài liệu 02/CT-UB.

b) Kết quả đối thoại:

Ngày 13/11/2018, Thanh tra thành phố tổ chức buổi đối thoại với sự tham dự của đại diện UBND huyện B (Thanh tra huyện, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện) và bà Phạm Thị Hồng Đ (được bà T ủy quyền). Sau khi nghe Thanh tra thành phố công khai quy định về người chủ trì đối thoại theo quy định tại Thông tư số 02/2016/TT-TTCTP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ, thông báo nội dung Công văn số 579/UBND-NCPC ngày 08/02/2017 và Công văn số 4395/UBND-NCPC ngày 14/7/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố về giao Lãnh đạo Sở, ngành chủ trì đối thoại trong quá trình tham mưu, đề xuất việc

giải quyết đối với các trường hợp khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết lần hai của Chủ tịch UBND Thành phố, bà Đ (được bà T ủy quyền) đồng ý Lãnh đạo Thanh tra thành phố chủ trì đối thoại.

Kết quả đối thoại: còn có nội dung chưa thống nhất tại buổi đối thoại, đại diện UBND huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm không tách hồ sơ bồi thường do bà T là người đại diện hộ gia đình trên GCN số CH00398 ngày 12/8/2010 của UBND huyện B; bà Đ (được bà T ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu được lập hồ sơ bồi thường riêng cho từng thành viên trong hộ gia đình để được hỗ trợ tái định cư do có 02 căn nhà bị giải tỏa trắng, từng thành viên đều có nhà và sổ hộ khẩu riêng. Tại buổi đối thoại, các bên liên quan không cung cấp thêm thông tin, tài liệu nào khác với các buổi tiếp xúc trước đây.

c) Về căn cứ pháp luật có liên quan để Chủ tịch UBND thành phố giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hồng T:

Căn cứ Khoản 1, Phần IV Chương II của Phương án số 18/PA-HĐBT ngày 21/01/2014 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B quy định người bị nhà nước thu hồi đất, có một trong các điều kiện sau đây thì được bồi thường: “Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai”.

Xét trường hợp bà T (đại diện hộ gia đình) được UBND huyện B cấp GCN số CH00398 ngày 12/8/2010. Do đó, bà T (đại diện hộ gia đình) là chủ thể đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ.

Do đó, việc bà T khiếu nại yêu cầu được lập hồ sơ bồi thường riêng cho từng thành viên trong hộ gia đình (do ông L đã chết) đối với phần đất bị ảnh hưởng trong Dự án đường C - L gồm các trường hợp: bà Phạm Thị Hồng T; bà Phạm Thu H1; ông Phạm Văn C; bà Phạm Thị B (có con là bà Nguyễn Xuân D) là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 6993/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện B và Báo cáo số 719/BC-TTTP-P3 ngày 30/11/2018 của Chánh Thanh tra Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Phạm Thị Hồng T.

- Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 12/3/2019:

a) Nguồn gốc, quá trình sử dụng của bà Phạm Thị Hồng T đối với phần nhà, đất bị ảnh hưởng trong Dự án:

Theo Biên bản làm việc ngày 26/5/2017 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B với đại diện UBND xã Đa Phước, đại diện Thanh tra Huyện và bà Phạm Thị Hồng Đ (đại diện bà Phạm Thị Hồng T) về kiểm tra, xác minh hiện trạng, có nội dung như sau:

“- Hàng rào kết cấu tường xây (1,2m x 22,2m) và Hàng rào kết cấu khung sắt + cột BTCT (1,4m x 22,2m) (bản vẽ 162): được làm bằng song sắt $\phi 16$ là đúng.

- Hàng rào, kết cấu cột BTCT, lưới B40 (1,8m x 29,37m) (bản vẽ 167): là đúng.

- Sân xi măng, diện tích 25,6 m² (bản vẽ 162): là đúng.

- Sân xi măng, diện tích 218,7 m² (bản vẽ 167): là đúng.

- Nhà kho, diện tích 6m x 2,5m + 2,2m x 7,5m (bản vẽ 167): là đúng

- Sân xi măng, diện tích 13,69 m² (bản vẽ 168): là đúng.

- Cây trồng: 01 cây Mai $\phi 15$ cm; 01 cây Sung $\phi 15$ cm; 01 cây măng cầu thời kỳ cho trái ổn định.

- Hiện trạng thực tế vật kiến trúc, nhà ảnh hưởng đồng thời hai dự án Nâng cấp Quốc lộ E và cao tốc B - L là đúng”.

Theo Văn bản số 1545/UBND ngày 11/7/2017 của UBND xã Đ, có nội dung như sau: “*Theo bản đồ hiện trạng vị trí số 162 do trung tâm kiểm định bản đồ và T6 lập ngày 26 tháng 10 năm 2010: Hàng rào tường xây 1,2m x 22,2m, khung sắt (song sắt $\phi 16$), cột BTCT 1,4m x 22,2m và sân xi măng 25,6m² thời điểm xây dựng năm 1980.*

Theo bản đồ hiện trạng vị trí số 167 do trung tâm kiểm định bản đồ và T6 lập ngày 26 tháng 10 năm 2010: Hàng rào cột BTCT, lưới B40 (1.8m x 29,37m); sân xi măng 218,7m² và nhà 50m² thời điểm xây dựng năm 2003,

Theo bản đồ hiện trạng vị trí số 168 do trung tâm kiểm định bản đồ và T6 lập ngày 26 tháng 10 năm 2010: Sân xi măng 13,69m² thời điểm xây dựng năm 2003”.

b) Kết quả đối thoại:

Ngày 08/01/2019, Thanh tra thành phố tổ chức buổi đối thoại với sự tham dự của đại diện UBND huyện B (ông Nguyễn Văn T5 - Phó Chủ tịch UBND huyện, Thanh tra huyện, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện) và bà Phạm Thị Hồng Đ (được bà Phạm Thị Hồng T ủy quyền). Sau khi được Thanh tra thành phố công khai quy định về người chủ trì đối thoại theo quy định tại Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ, thông báo nội dung Công văn số 579/UBND-NCPC ngày 08/02/2017 và Công văn số 4395/UBND-NCPC ngày 14/7/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố về giao Lãnh đạo Sở, ngành chủ trì đối thoại trong quá trình tham mưu, đề xuất việc giải quyết đối với các trường hợp khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết lần hai của Chủ tịch UBND Thành phố, bà Phạm Thị Hồng Đ (được bà Phạm Thị Hồng T ủy quyền) đồng ý Lãnh đạo Thanh tra thành phố chủ trì đối thoại.

Kết quả đối thoại:

- Ghi nhận toàn bộ ý kiến của bà Đ (được bà T ủy quyền) và đại diện UBND huyện B để báo cáo Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định.

- Tại buổi đối thoại, các bên không bổ sung thêm được tài liệu, tình tiết mới so với các buổi làm việc trước đây.

- Nội dung chưa thống nhất tại buổi đối thoại: đại diện UBND huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 9125/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện B; bà Phạm Thị Hồng Đ (được ủy quyền của bà Phạm Thị Hồng T) vẫn giữ nguyên các yêu cầu khiếu nại.

- Đề nghị UBND huyện B tổ chức tiếp xúc công khai, thông tin cho người khiếu nại được biết đối với các nội dung khiếu nại bổ sung về sân xi măng và Nhà kho tại Phiếu chiết tính số 2081/PCT-BBT ngày 26/12/2018 của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B; tiến hành đo đạc, kiểm tra lại đối với cây mai đảm bảo phù hợp với đường kính thực tế.

c) Về căn cứ luật có liên quan để Chủ tịch UBND thành phố giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hồng T:

* Đối với nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường hàng rào, kết cấu tường xây (1,2m x 22,2m) và hàng rào kết cấu khung sắt + cột BTCT (1,4m x 22,2m) theo đơn giá 800.000 đồng/m², lý do là hàng rào được làm bằng song sắt $\phi 16$ (bản vẽ 162):

UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 (đính kèm Phiếu chiết tính bổ sung số 1679/PCT-BBT ngày 29/11/2017 của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B) về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung đối với bà Phạm Thị Hồng T, đã bồi thường hàng rào kết cấu tường xây (1,2m x 22,2m) theo đơn giá 290.000 đồng/m² và hàng rào kết cấu khung sắt + cột BTCT (1,4m x 22,2m) theo đơn giá 280.000 đồng/m² (thời điểm xây dựng năm 1980).

Đơn giá 290.000 đồng/m² và 280.000 đồng/m² được UBND huyện B áp dụng tính bồi thường theo quy định tại Phương án số 263/PA-HĐBT ngày 08/10/2012 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án nâng cấp quốc lộ 50, Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20/02/2008 của UBND Thành phố về việc ban hành biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố, Quyết định số 64/2008/QĐ-UBND ngày 31/7/2008 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20/02/2008 của UBND Thành phố, Quyết định số 92/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND Thành phố về ban hành hệ số điều chỉnh khi áp dụng Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20/02/2008 và Quyết định số 64/2008/QĐ-UBND ngày 31/7/2008.

Do đó, việc bà Phạm Thị Hồng T khiếu nại yêu cầu bồi thường hàng rào, kết cấu tường xây (1,2m x 22,2m) và hàng rào kết cấu khung sắt + cột BTCT (1,4m x 22,2m) theo đơn giá 800.000 đồng/m², lý do là hàng rào được làm bằng song sắt $\phi 16$ (bản vẽ 162) là không có cơ sở xem xét giải quyết.

* Đối với nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường hàng rào, kết cấu cột BTCT, lưới B40, diện tích 1,8m x 29,37m (bản vẽ 167) theo đơn giá 600.000 đồng/m²:

Hàng rào, kết cấu cột BTCT, lưới B40, diện tích 1,8m x 29,37m (bản vẽ 167) có thời điểm xây dựng năm 2003 theo xác nhận của UBND xã Đ tại Văn bản số 1545/UBND ngày 11/7/2017, đã được UBND huyện B hỗ trợ tại Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 (đính kèm Phiếu chiết tính bổ sung số 1679/PCT-BBT ngày 29/11/2017 của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B) theo đơn giá (280.000 đồng/m² x 50%) là căn cứ tại Điểm a, Khoản 2, Phần I, Chương II của Phương án số 263/PA-HĐBT (do thời điểm xây dựng sau năm 1995, là thời điểm công bố lộ giới các tuyến đường trên địa bàn Thành phố (Quốc lộ E)).

Do đó, việc bà Phạm Thị Hồng T khiếu nại yêu cầu bồi thường hàng rào, kết cấu cột BTCT, lưới B40, diện tích 1,8m x 29,37m (bản vẽ 167) theo đơn giá 600.000 đồng/m² là không có cơ sở xem xét giải quyết.

* Đối với nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường bổ sung sân xi măng, diện tích 25,6m² (bản vẽ 162); sân xi măng, diện tích 218,7m² (bản vẽ 167); sân xi măng, diện tích 13,69m² (bản vẽ 168) theo đơn giá 265.000 đồng/m²; nhà kho, diện tích khoảng 50m² (bản vẽ 167) theo đơn giá vật kiến trúc của Dự án B - L:

Ngày 10/01/2019, UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 153/QĐ-UBND (đính kèm Phiếu chiết tính bổ sung số 2081/PCT-BBT ngày 26/12/2018 của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B) về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung đối với bà Phạm Thị Hồng T, với tổng số tiền 31.535.010 đồng, trong đó sân xi măng, diện tích 25,6m² (bản vẽ 162), sân xi măng, diện tích 218,7m² (bản vẽ 167), sân xi măng, diện tích 13,69m² (bản vẽ 168) đã được UBND huyện B bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá 60.000 đồng/m² và (60.000 x 50%) đồng/m² là căn cứ tại Khoản 1 và Đ1 a, Khoản 2, Phần I, Chương II của Phương án số 263/PA-HĐBT.

Đối với nhà kho, theo Biên bản làm việc ngày 26/5/2017 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện với đại diện UBND xã Đ, đại diện Thanh tra Huyện và bà Đ (đại diện bà T) về kiểm tra, xác minh hiện trạng, đã xác định diện tích của nhà kho (bản vẽ 167) là 31,5m² = (6m x 2,5m) + (2,2m x 7,5m), không phải diện tích 50m², được UBND huyện B hỗ trợ theo đơn giá (1.000.000 x 50%) đồng/m² là căn cứ tại Điểm a, Khoản 2, Phần I, Chương III của Phương án số 263/PA-HĐBT.

Ngày 21/11/2018, UBND huyện B đã có Văn bản số 3290/UBND kiến nghị UBND Thành phố thống nhất áp dụng đơn giá bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc của Dự án đường C - L để tính bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp Quốc lộ E (đối với trường hợp có nhà, đất bị ảnh hưởng đồng thời 02 dự án). Ngày 05/12/2018, Văn phòng UBND thành phố có Phiếu chuyển số 60073/PC-ĐT chuyển Sở Xây dựng đề hướng dẫn UBND huyện B thực hiện. Như vậy, sau khi Sở Xây dựng báo cáo UBND thành phố và được UBND thành phố xem xét, chấp thuận chủ trương, UBND huyện B cần tổ chức

tiếp xúc công khai, thông tin cho người dân bị ảnh hưởng đồng thời 02 Dự án đường C - L và Dự án nâng cấp Quốc lộ E được biết.

Do đó, việc bà Phạm Thị Hồng T khiếu nại yêu cầu bồi thường bổ sung sân xi măng, diện tích 25,6m² (bản vẽ 162); sân xi măng, diện tích 218,7m² (bản vẽ 167); sân xi măng, diện tích 13,69m² (bản vẽ 168) theo đơn giá 265.000 đồng/m²; nhà kho, diện tích khoảng 50m² (bản vẽ 167) theo đơn giá vật kiến trúc của Dự án B - L là không có cơ sở xem xét giải quyết.

* Đối với nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường 01 cây mai theo đơn giá 4.000.000 đồng/cây, lý do: cây mai này đã ngoài 20 năm tuổi:

UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 10187/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 về bồi thường, hỗ trợ (đính kèm Phiếu chiết tính số 1455/PCT-BBT ngày 07/10/2016 của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B), trong đó đã bồi thường 01 cây mai với đơn giá 400.000 đồng/cây là căn cứ theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 09/01/2015 của UBND Thành phố quy định về Biểu giá cây trồng, hoa màu trên địa bàn thành phố.

Tại buổi đối thoại ngày 08/01/2019 với Thanh tra Thành phố, bà Phạm Thị Hồng Đ (được ủy quyền bà Phạm Thị Hồng T) đã có ý kiến đề nghị được đo lại đường kính gốc, cành cây mai và đại diện UBND huyện B cũng thống nhất với đề nghị này của bà Đ. Như vậy, UBND huyện B cần tiến hành kiểm tra, đo lại đảm bảo việc bồi thường cây trồng đúng thực tế.

Tuy nhiên, việc bà T khiếu nại yêu cầu bồi thường 01 cây mai theo đơn giá 4.000.000 đồng/cây, lý do: cây mai này đã ngoài 20 năm tuổi là không có cơ sở xem xét giải quyết vì Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 09/01/2015 của UBND Thành phố quy định về Biểu giá cây trồng, hoa màu trên địa bàn thành phố chỉ xác định bồi thường cây mai theo đường kính gốc, không bồi thường theo số năm trồng cây.

Xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 9125/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện B và Báo cáo số 50/BC-TTTP-P3 ngày 17/01/2019 của Chánh Thanh tra Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Phạm Thị Hồng T.

-Ý kiến của Chủ tịch UBND Thành phố:

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát hồ sơ, nguồn gốc, quá trình sử dụng đối với phần nhà, đất bị ảnh hưởng Dự án của hộ bà Phạm Thị Hồng T và căn cứ các quy định pháp luật, Chủ tịch UBND Thành phố nhận thấy kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 6058/QĐ-UBND ngày 16/11/2017, Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 và Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 là đúng quy định pháp luật, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo hướng giữ nguyên nội dung các quyết định.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C có ý kiến:*

Tại diện tích đất bị thu hồi thuộc GCN số CH 00398 ngày 12/8/2010 do bà Phạm Thị Hồng T đứng tên đại diện hộ để thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ E và dự án cao tốc B - L, ông C đang sinh sống tại căn nhà số D ấp D, xã Đ, huyện B thuộc một phần thửa 580 (đất ở) và thửa 79 (đất nuôi trồng thủy sản), tờ bản đồ số 13, TL 02/CT-UB.

Căn nhà trên được cha mẹ ông là ông Phạm Văn L và bà Trần Thị B1 xây dựng vào năm 1987, thuộc một phần diện tích đất mà cha mẹ ông được cấp GCN số 313/QSDĐ ngày 23/7/1993 và GCN số 111/QSDĐ ngày 19/11/1995.

Cha mẹ ông C cho ông C căn nhà trên từ năm 1990 và gia đình ông C đã sinh sống tại căn nhà trên từ đó cho đến nay, việc cho tặng của cha mẹ thì các anh chị em trong nhà đều biết và không có tranh chấp.

Do điều kiện gia đình khó khăn nên ông C không đủ khả năng tách thửa, đăng ký cấp GCN. Mặt khác, đất cha mẹ tặng cho các con mỗi người đều không chung thửa, không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa và sau này phần đất này thuộc quy hoạch thực hiện dự án nên cũng không thể tách thửa, đăng ký cấp giấy chứng nhận để từng người đứng riêng được.

Năm 2009, ông L chết, các anh chị em trong nhà tiến hành khai nhận di sản thừa kế. Các anh chị em thống nhất phần diện tích đất tại căn nhà số D ấp D, xã Đ là do cha mẹ đã cho ông C nên không kê khai thừa kế phần đất này và không đăng ký tên ông C. Tuy nhiên, khi bà Phạm Thị Hồng T đứng tên đại diện được cấp GCN số CH 00398 ngày 12/8/2010 gồm thửa 78, 79, 80, 82, 582 (phân chiết từ thửa 78, 79, 80), tờ bản đồ số 13, tài liệu 02/CT-UB thì vẫn bao gồm cả phần diện tích đất cha mẹ đã cho ông.

Khi Nhà nước thu hồi đất để làm dự án nâng cấp Quốc lộ E, căn cứ vào quá trình sinh sống của ông C tại căn nhà nêu trên và văn bản ưng thuận của các đồng thừa kế xác nhận cho ông C nhận tiền bồi thường thu hồi đất đối với phần đất tại căn nhà D và không có tranh chấp.

Ngày 13/8/2012, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4270/QĐ-UBND thu hồi đất trong đó có phần đất căn nhà nêu trên của ông C.

Ngày 29/10/2015, UBND huyện B ban hành Quyết định số 9147/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc nhưng do bồi thường không thỏa đáng nên ông C đã khiếu nại.

Ngày 01/10/2018, UBND huyện B ban hành Quyết định số 8698 điều chỉnh chủ thể được bồi thường từ ông Phạm Văn C sang bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ) vì căn cứ vào GCN số CH 00398 ngày 12/8/2010 thể hiện chủ thể được cấp là bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ đứng tên.

Ngày 01/02/2019, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1845/QĐ-UBND thu hồi hủy bỏ Quyết định số 9147/QĐ-UBND. Hiện nay ông C vẫn đang khiếu nại quyết định này.

Đối với việc thu hồi đất tại dự án cao tốc B - L thì UBND huyện B không tách riêng thu hồi, bồi thường cho ông C mà gộp chung diện tích thu hồi, bồi thường cho bà T.

Về yêu cầu khởi kiện của bà T thì phần diện tích có quyết định thu hồi theo Quyết định số 4264 để thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ E và Quyết định số 2229 để thực hiện dự án Cao tốc B - L thì hiện trạng có 04 căn nhà bị giải tỏa, trong đó có nhà của bà Phạm Thị Hồng T, bà Phạm Thu H1, bà Nguyễn Xuân D và nhà của ông C. Nguồn gốc những căn nhà này cũng do cha mẹ đã tặng cho các con khi còn sống, được các hộ này sử dụng ổn định, liên tục và thống nhất không tranh chấp. Do vậy, diện tích đất bị thu hồi để thực hiện hai dự án thuộc GCN số CH 00398 ngày 12/8/2010 do bà T đứng tên đại diện hộ nhưng thực tế các thành viên đồng thừa kế thống nhất xác nhận nhà đất hiện tại mỗi người đang sử dụng sinh sống, được cha mẹ tặng cho thuộc quyền sử dụng riêng của từng hộ, các thành viên khác không có tranh chấp liên quan. Ngoài ra, mỗi hộ gia đình đều đã sinh sống lâu dài, ổn định và có sổ hộ khẩu riêng.

Việc UBND huyện B bồi thường, hỗ trợ để thực hiện 02 dự án cho bà T (đại diện hộ) là không thỏa đáng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình, UBND huyện B phải tiến hành bồi thường, hỗ trợ, tái định cư riêng cho từng hộ.

Vì vậy, ông đồng ý thống nhất với các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T, đề nghị quý tòa xem xét chấp thuận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị Thu H1, bà Phạm Thị Hồng Y, bà Phạm Thị Nguyệt Á, bà Nguyễn Xuân D và bà Phạm Thị Hồng D có ý kiến:*

Bà H1 đang sinh sống tại căn nhà số D Tổ G, ấp D, xã Đ, huyện B, TP .. Căn nhà số D ấp D, xã Đ, huyện B, TP . do bà Nguyễn Xuân D sinh sống, sử dụng. Các căn nhà nêu trên được xây dựng từ năm 1980, thuộc một phần diện tích đất mà cha mẹ được cấp GCN số 313/QSĐĐ ngày 23/7/1993 và GCN số 111 QSĐĐ ngày 19/11/1995. Năm 2009, cha bà chết nên các anh chị em trong nhà tiến hành khai nhận di sản thừa kế và được cấp GCN số CH 00398 ngày 12/8/2010 gồm thửa 78, 79, 80, 82, 580 (phân triết từ thửa 78, 79, 80), tờ bản đồ số 13, tài liệu 02/CT-UB do bà Phạm Thị Hồng T đứng tên đại diện. Năm 1999, ông Phạm Văn L và bà Trần Thị B1 có cho đất cho con cái, gia đình các bà đã sinh sống từ đó đến nay; việc cha mẹ tặng cho nhà thì các anh chị em trong nhà đều biết rõ và không có bất kỳ tranh chấp gì. Tuy nhiên, vì lúc này tình hình gia đình khó khăn nên các bà không đủ khả năng tách thửa, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phần diện tích có quyết định thu hồi theo Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 13/8/2012 và Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của UBND huyện B về thu hồi đất của bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình) thì hiện trạng có 04 căn nhà bị giải tỏa là:

- Căn nhà số D ấp D, xã Đ, huyện B của hộ bà Phạm Thị Hồng T,
- Căn nhà số D ấp D, xã Đ, huyện B của hộ của tôi (Phạm Thu H1),
- Căn nhà số D, ấp D, xã Đ, huyện B của hộ cháu Phạm Xuân D3 (ông L cho cháu là bà D3 – con bà Phạm Thị B),
- Căn nhà D ấp D, xã Đ, huyện B của ông Phạm Văn C.

Nguồn gốc những căn nhà này cũng do cha mẹ đã tặng cho khi cha mẹ còn sống, được hộ bà T, hộ của bà H1, hộ bà D3 (con gái bà B), hộ ông C sử dụng ổn định, liên tục và các thành viên trong gia đình đều thống nhất không tranh chấp phần nhà đất mà cha mẹ đã tặng cho riêng này.

Sau khi cha mất, vì không hiểu rõ quy định pháp luật nên các bà khai nhận thừa kế diện tích này theo GCN số 313/QSDĐ và GCN số 111/QSDĐ do UBND huyện B đã cấp cho cha bà và được UBND huyện B cấp GCN số CH00398 do UBND huyện B cấp ngày 12/8/2010 do bà T đứng tên đại diện hộ. Mặt khác, vì diện tích nhà, đất cha mẹ tặng cho cho mỗi người còn không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa và sau này phần nhà đất này thuộc quy hoạch thực hiện dự án nên các bà không thể tách thửa, đăng ký cấp GCN để từng người đứng tên riêng được.

Do vậy, diện tích đất bị thu hồi để thực hiện Dự án Cao tốc B - L và Dự án Nâng cấp Quốc lộ 50 thuộc GCN số CH00398 do UBND huyện B cấp cho bà Phạm Thị Hồng T đứng tên đại diện hộ nhưng thực tế các thành viên đồng thừa kế (bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị Nguyệt Á, bà Phạm Thị Hồng Y, bà Phạm Thị Hồng T, bà Phạm Thị Hồng Đ, bà Phạm Thu H1, ông Phạm Văn C) thống nhất, xác nhận phần nhà đất hiện tại mỗi người đang sử dụng, sinh sống được cha mẹ tặng cho là thuộc quyền sử dụng riêng của từng hộ, các thành viên khác không có tranh chấp gì liên quan. Ngoài ra, mỗi hộ gia đình đều đã sinh sống lâu dài, ổn định và có sổ hộ khẩu riêng.

Việc UBND huyện B tiến hành bồi thường thu hồi quyền sử dụng đất để thực hiện hai dự án trên cho bà T (đại diện hộ) là không thỏa đáng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của các bà; mà lẽ ra phải tiến hành bồi thường, hỗ trợ, tái định cư riêng cho từng hộ. Ngoài ra, việc bồi thường chậm, số tiền bồi thường không phù hợp, tương ứng với giá trị thị trường thực tế tại thời điểm chi trả bồi thường, chưa đúng với quy định pháp luật. Mặc dù tiến hành chi trả bồi thường chậm nhưng UBND huyện B, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện không tiến hành xem xét, khảo sát sự chênh lệch giá đất, tài sản, kiến trúc tại thời điểm bồi thường so với giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi để xác định giá đất bồi thường, hỗ trợ là vi phạm quy định pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bà, khiến các bà không thể có nơi ở mới, ổn định cuộc sống. Vì vậy, các bà đã thống nhất đề bà T khiếu nại, khởi kiện các Quyết định về thu hồi quyền sử dụng đất một phần các thửa 80, 82, 541, 78, 79, 580 tờ bản đồ số 13, tài liệu 02/CT-UB, các Quyết định về bồi thường hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ do UBND huyện B ban hành.

Vì vậy, các bà đồng ý thống nhất với các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T, đề nghị quý tòa xem xét chấp thuận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

-Phía người khởi kiện có ý kiến:

Rút yêu cầu khởi kiện đối với các quyết định:

1.Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 12/04/2019 của UBND huyện B về bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ);

2.Quyết định số 10843/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND huyện B về bổ sung bồi thường cây trồng đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình).

3.Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 05/7/2023 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc bổ sung đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ).

4.Quyết định số 8698/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND huyện B về điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 13/8/2012 và Quyết định số 9293/QĐ-UBND ngày 25/12/2012 của UBND huyện B

Yêu cầu Tòa án hủy các quyết định sau:

1.Tuyên hủy toàn bộ Quyết định 15138/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND huyện B về bồi thường hỗ trợ thiệt hại đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ ông Phạm Văn L đã chết);

2.Tuyên hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2533/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND huyện B.

3.Tuyên hủy toàn bộ Quyết định 10187/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND huyện B về bồi thường, hỗ trợ bổ sung thiệt hại đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ);

4.Tuyên hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 6058/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố đối với bà Phạm Thị Hồng T. Cụ thể giữ nội dung giải quyết khiếu nại công nhận phần diện tích đất 633,5m² đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá đất ở; hủy các nội dung giải quyết khiếu nại còn lại bao gồm việc xác định đơn giá đất ở bồi thường đối với diện tích đất 633,5 m² được bồi thường theo đơn giá được quy định tại Phương án số 263/PA-HĐBT ngày 08/10/2012;

5.Tuyên hủy một phần Quyết định 117/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của UBND huyện B về bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, đất đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ). Cụ thể hủy phần quyết định bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc với số tiền là 47.570.510 đồng (Bốn mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, năm trăm mười đồng) (tương ứng với Mục III Phiếu chiết tính số 1679/PCT-BBT ngày 29/11/2017), hủy đơn giá bồi thường đất ở đối với phần diện tích 633,5 m² theo đơn giá 11.609.000 đồng/ m² (tương ứng với Mục II Phiếu chiết tính số 1679/PCT-BBT ngày 29/11/2017), giữ phần xác định bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần diện tích đất 633,5 m² là đất ở;

6. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu 9125/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện B đối với bà Phạm Thị Hồng T.

7. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND huyện B về bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, đất đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ ông Phạm Văn L đã chết).

8. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai 915/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố đối với bà Phạm Thị Hồng T.

09. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện B về việc điều chỉnh sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 15138/QĐ-UBND.

10. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định 7521/QĐ-UBND ngày 03/9/2015

11. Quyết định 3242/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của UBND huyện B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ);

12. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 6993/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện B liên quan đến bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho bà Phạm Thị Hồng T.

13. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 914/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố đối với bà Phạm Thị Hồng T.

14. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 4614/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện B về hỗ trợ lãi suất đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ) thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B.

Yêu cầu bồi thường, hỗ trợ lại đối với các quyết định hành chính bị kiện theo hướng:

Đối với dự án Quốc lộ E: Yêu cầu bồi thường 197m² và bồi thường theo đơn giá đất ở; Về tài sản trên đất: Yêu cầu bồi thường theo đơn giá Dự án B-L, lãi suất hỗ trợ tính chưa đúng. Các nội dung khác thì Người khởi kiện đồng thuận với các quyết định dự án này.

Đối với dự án Bến Lức L: Yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích đất theo đơn giá đất ở; tính lại tiền lãi do chậm bồi thường. Các nội dung khác thì Người khởi kiện đồng thuận với các quyết định dự án này.

Phía người bị kiện có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có ý kiến trình bày:

- Giữ nguyên các quyết định hành chính bị kiện, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- UBND huyện B không bồi thường phần diện tích 197m² là do phần đất này này thực tế gia đình bà T không sử dụng theo tài liệu 02/CT năm 1992.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 546/2024/HC-ST ngày 19 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T.

1.1. Hủy phần nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất tại Quyết định 7521/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh “Về bồi thường, hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết) địa chỉ thường trú: D7/233A ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B”.

1.2. Hủy toàn bộ Quyết định 3242/QĐ-UBND ngày 25/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh “Về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết) địa chỉ thường trú: D7/233A ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B”.

1.3. Hủy toàn bộ Quyết định số 4614/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh “Về hỗ trợ lãi suất đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết) thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B (thực hiện theo Kết luận số 1179/KL-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của UBND Thành phố)”.

1.4. Buộc Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ xem xét bồi thường, hỗ trợ lại cho bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết) theo quy định của pháp luật và phù hợp với phần nhận định của bản án liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định sau:

2.1. Quyết định số 15138/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc, cây trồng đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình); địa chỉ thường trú: D7/233A ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ giải tỏa: D7/233, D, ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B.

2.2. Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hồng T, cư trú tại số D ấp D, xã Đ, huyện B (Lần đầu);

2.3. Quyết định 10187/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc, cây trồng đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình); địa chỉ thường trú: D7/233A ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ giải tỏa: D7/233, D, ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B.

2.4. Một phần Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 6058/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H đối với bà Phạm Thị Hồng T.

2.5. Một phần Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, đất đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình); địa chỉ thường trú: D7/233A ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ giải tỏa: D7/233, D, ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B.

2.6. Quyết định số 9125/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hồng T, cư trú tại số D ấp D, xã Đ, huyện B (lần đầu)

2.7. Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về bổ sung bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình) thuộc Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B.

2.8. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 915/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H đối với bà Phạm Thị Hồng T.

2.9. Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15138/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B.

2.10. Quyết định số 6993/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình), cư trú tại D ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (lần đầu)

2.11. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 914/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H đối với bà Phạm Thị Hồng T.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính sau:

3.1. Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 12/04/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình); địa chỉ thường trú: D7/233A ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ giải tỏa: D7/233, D, ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B;

3.2. Quyết định số 10843/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về bổ sung bồi thường cây trồng đối với bà

Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình) thuộc Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B;

3.3. Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 05/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc bổ sung đối với bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ) (do ông Phạm Văn L đã chết) thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B (thực hiện theo Kết luận số 1179/KL-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của UBND Thành phố);

3.4. Quyết định số 8698/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 13/8/2012 và Quyết định số 9293/QĐ-UBND ngày 25/12/2012 của UBND huyện B;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 03/01/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 27/QĐ-VKS-HC kháng nghị một phần bản án hành chính sơ thẩm nêu trên, vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, ngoài bồi thường 127,6m² đất ở theo hiện trạng sử dụng và giấy chứng nhận đã cấp, Tòa án cấp sơ thẩm còn chấp nhận bồi thường thêm diện tích 338,9m² là đất ở, là không có cơ sở. Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2010 cho bà Phạm Thị Hồng T thì thửa 78, 80, 82 tờ bản đồ số 13 loại đất trồng cây lâu năm; thửa 79, 81 tờ bản đồ số 13 loại đất nuôi trồng thủy sản. Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường theo hiện trạng đất đã cấp giấy chứng nhận là đúng quy định. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T.

Ngày 20/01/2025, Ủy ban nhân dân huyện B kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm nêu trên, vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện là sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, chưa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Phần đất ảnh hưởng dự án đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00398 ngày 12/8/2010 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình), gồm các thửa 78 (37m²), 80 (1956m²), 82 (1112m²), tờ bản đồ số 13 loại đất trồng cây lâu năm, thửa 79 (152m²), 81 (158m²) tờ bản đồ số 13 loại đất nuôi trồng thủy sản; thửa số 580 (400m²) tờ bản đồ số 13 loại đất ở. Đồng thời giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 111.QSD do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 19/4/1995 có thửa 78 loại đất TV, thửa 79, 81 loại đất Ao, thửa đất 80, 82 loại đất 2L, tờ bản đồ số 13; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2143.QSD do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 15 tháng 5 năm 2000 có thửa 580, tờ bản đồ số 13, diện tích 400m² loại đất ở, tại phần ghi thêm có nội dung: thửa 580 phân chiết từ thửa 78, 79, 80. Về hạn mức đất ở: Trường hợp của bà T có nhà đất bị ảnh hưởng bởi dự án không quá 250m²/hộ, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hạn mức

đất ở là 300m²/hộ là không đúng. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 7521/QĐ-UBND và Quyết định số 3242/QĐ-UBND, Quyết định số 4614/QĐ-UBND là đúng quy định. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T, cụ thể giữ nguyên Quyết định 7521/QĐ-UBND, Quyết định 3242/QĐ-UBND và Quyết định số 4614/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện B (nay có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh) trình bày: Giữ nguyên các quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện B đã trình bày tại văn bản kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã H), chấp nhận kháng cáo, chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện bà Phạm Thị Hồng T: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên bản án sơ thẩm, bởi lẽ: Ủy ban nhân dân huyện B xác định hạn mức đất ở 250m² là không đúng; Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải bồi thường cho bà T 05 lần hạn mức đất ở là đúng pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Phạm Thị Hồng T đồng ý với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không tranh luận bổ sung, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Đại diện Viện Công tố giữ nguyên quyết định kháng nghị số 27/QĐ-VKS-HC ngày 03/01/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2010 cho bà Phạm Thị Hồng T thì thửa 78, 80, 82 tờ bản đồ số 13 loại đất trồng cây lâu năm; thửa 79, 81 tờ bản đồ số 13 loại đất nuôi trồng thủy sản. Do đó, UBND huyện B bồi thường theo hiện trạng đất đã cấp theo giấy chứng nhận là đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T, bồi thường thêm diện tích 338,9m² đất ở và xác định hạn mức đất ở 300m²/hộ, là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo hướng chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân

Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B, là hợp lệ, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Về những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người khởi kiện bà Phạm Thị Hồng T nhưng có người đại diện theo ủy tham dự phiên tòa, vắng mặt một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Xét, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo, kháng nghị. Do đó, căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Phạm vi kháng cáo, kháng nghị

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bà Phạm Thị Hồng T yêu cầu hủy các quyết định liên quan đến dự án nâng cấp Quốc lộ E và Dự án xây dựng đường C - L.

Tại bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định phần diện tích đất ở bà T được bồi thường trong Dự án đường C - L còn thiếu là 466,5m² nên đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy phần nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L tại Quyết định số 7521, hủy toàn bộ Quyết định số 3242 và Quyết định số 4614. Đồng thời, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B xem xét, bồi thường hỗ trợ lại cho bà Phạm Thị Hồng T theo quy định của pháp luật và phù hợp với phần nhận định của bản án liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Quyết định số 27/QĐ-VKS-HC ngày 03/01/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần bản án sơ thẩm về việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận bồi thường 338,9m² đất thuộc dự án Cao tốc B-L là đất ở, là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T.

Tại đơn kháng cáo, Ủy ban nhân dân huyện B đề nghị xem xét lại một phần bản án hành chính sơ thẩm về phần xác định hạn mức đất ở và yêu cầu bồi thường đất ở đối với diện tích 338,9m² trong Dự án Cao tốc B- L là có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, chưa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Bà Phạm Thị Hồng T không có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Do

đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B đối với một phần bản án sơ thẩm về việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 772,2m² thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B.

[2.2.]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B:

[2.2.1]. Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành các quyết định bị kiện, bao gồm: Quyết định 7521/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh “Về bồi thường, hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết) địa chỉ thường trú: D7/233A ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B” (gọi tắt là Quyết định 7521); Quyết định 3242/QĐ-UBND ngày 25/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh “Về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết) địa chỉ thường trú: D7/233A ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B” (gọi tắt là Quyết định 3242); Quyết định số 4614/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh “Về hỗ trợ lãi suất đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết) thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B (thực hiện theo Kết luận số 1179/KL-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của UBND Thành phố)” (gọi tắt là Quyết định 4614), là đúng quy định pháp luật.

[2.2.2]. Về tính có căn cứ:

Theo bản đồ hiện trạng vị trí, số hợp đồng: 01/HĐĐĐ/BBT-ĐP316A và 01/HĐĐĐ/BBT-ĐP316B do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 20/5/2013 được UBND xã Đ xác nhận ngày 19/8/2014 thì bà Phạm Thị Hồng T có phần đất bị ảnh hưởng bởi Dự án đường C- L với diện tích: 772,2m² thuộc một phần thửa số 49, 83, tờ bản đồ số 43, theo tài liệu Bản đồ địa chính (tương ứng một phần các thửa số 78, 79, 80, 82, 541, 580 và 1 phần rạch (diện tích 8,5m²), tờ bản đồ số 13, theo tài liệu 02/CT-UB), Bộ địa chính xã Đ, huyện B.

Xét thấy: Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00398 ngày 12/8/2010 cho bà Phạm Thị Hồng T (đại diện hộ gia đình) gồm các thửa số 78 (37m²), 80 (1.956m²), 82 (1.112m²), tờ bản đồ số 13 loại đất trồng cây lâu năm; các thửa 79 (152m²), 81 (158m²), tờ bản đồ số 13 loại đất nuôi trồng thủy sản; thửa số 580 (400m²), tờ bản đồ số 13 loại đất ở.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Luật đất đai năm 2003 xác định loại đất trên thực địa: “1. Theo hiện trạng sử dụng đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt” và điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ: “1. Loại đất, mục đích sử dụng đất của mỗi thửa được xác định theo một trong các căn cứ sau: b) Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho người đang sử dụng đất được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất”. Ủy ban nhân dân huyện B căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T và hiện trạng sử dụng, xác định phần diện tích đất ở của bà T bị ảnh hưởng bởi Dự án đường C - L là 127,6m², phần diện tích đất còn lại là đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản, là có căn cứ.

Đôi chiếu với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 8, khoản 3 Điều 15 Quyết định số 35/2010 ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố H thì trường hợp của bà Phạm Thị Hồng T, được Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường 127,6m² theo đơn giá đất ở, phần còn lại bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp, là đúng pháp luật.

Về xác định hạn mức đất ở: Căn cứ Công văn số 4707/QLĐT-QLN ngày 25 tháng 12 năm 2013 của Phòng Quản lý đô thị về việc xác định hạn mức đất ở Dự án đường C - L đoạn đi qua địa bàn huyện B và căn cứ điểm c khoản 1 Điều 1 Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2014, có cơ sở xác định: Hạn mức đất ở đối với trường hợp của bà Phạm Thị Hồng T có nhà, đất bị ảnh hưởng bởi Dự án là không quá 250m²/hộ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hạn mức đất ở là 300m²/hộ, đồng thời yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường phần đất ở còn thiếu là 466,5m² là không có căn cứ.

[2.3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B, là có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T về việc hủy phần nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất tại Quyết định số 7521, hủy toàn bộ Quyết định số 3242 và Quyết định số 4614.

[3]. Ý kiến của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, không được chấp nhận.

[4]. Ý kiến của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, được chấp nhận.

[5]. Đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, được chấp nhận.

[6]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện bà Phạm Thị Hồng T phải chịu, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B không phải chịu.

[8]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B được chấp nhận, nên Ủy ban nhân dân huyện B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 203, Điều 220, Khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B.

3. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 546/2024/HC-ST ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”, giữa người khởi kiện bà Phạm Thị Hồng T và người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

3.1. Căn cứ Luật đất đai năm 2003, Luật đất đai năm 2013 cùng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành luật;

3.2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T về việc:

- Hủy phần nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất tại Quyết định 7521/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh “Về bồi thường, hỗ trợ đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết) địa chỉ thường trú: D7/233A ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B”.

- Hủy toàn bộ Quyết định 3242/QĐ-UBND ngày 25/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh “Về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết) địa chỉ thường trú: D7/233A ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B”.

- Hủy toàn bộ Quyết định số 4614/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh “Về hỗ trợ lãi suất đối với bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết) thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B (thực hiện theo Kết luận số 1179/KL-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của UBND Thành phố)”.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ xem xét bồi thường, hỗ trợ lại cho bà Phạm Thị Hồng T đại diện hộ (do ông Phạm Văn L đã chết) theo quy định của pháp luật và phù hợp với phần nhận định của bản án liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí hành chính sơ thẩm:

5.1. Bà Phạm Thị Hồng T phải chịu án phí 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0026000 ngày 01/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Bà T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm).

5.2. Ủy ban nhân dân huyện B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

6. Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân huyện B (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh) số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0070003 ngày 26/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hòa